

Copyrighted Material

A Spiritual
Blueprint
for
Humanity



ROZAK TATEBE

Đề Cương Tâm Linh Cho Nhân Loại

Nguyên tác A Spiritual Blueprint For Humanity của Rozak Tatebe

Minh Thần dịch 3.2022

Sửa lỗi: Hoàng Nam

© Điện sách 04.2023 Góc Nhỏ

ROZAK TATEBE

Đề Cương Tâm Linh Cho Nhân loại

Minh Thần

dịch 3.2022



NỘI DUNG

LỜI NÓI ĐẦU	8
LỊCH SỬ CỦA TRÁI ĐẤT VÀ SỰ SỐNG	10
Sự sinh thành của trái đất và vũ trụ	10
Nguyên lí Nhân bản và thuyết Đa Vũ Trụ	11
Nguyên lí Nhân bản	13
Tổ tiên của loài người	14
Những Bí hiểm của chuỗi Thức ăn	18
Bản chất con người là gì?	20
Những tín hiệu khoa học bị đảo ngược	21
NHỮNG THÂM TRI MỐI MẸ CỦA MUHAMMED SUBUH	27
Sự tiến hóa của trí óc	29
Bản thể của trí óc	30
Nguồn năng lượng của dực vọng cho tư tưởng	32
Loài người và các thiên thần	34
Quan điểm của Bapak về vị trí chúng ta trong vũ trụ tâm linh	35
Thị hiếu của các sinh lực và cách chúng biểu lộ	37
Nguồn Đại Lực và hiệu lực của latihan	42
Khoa học và đức tin	44
THẾ GIỚI, THẾ GIỚI BÊN KIA VÀ RANH GIỚI CỦA SỰ CHẾT	47

Những quy luật mới cho cách sống	47
Cái Nhìn của Bapak về Thiên Đàng	49
Phép màu là gì?	52
Chứng nghiệm Thăng Thiên của Bapak	55
Thế Giới Bên Kia là một Thế Giới như thế nào?	57
Cái nhìn của thuyết vật linh	60
Trắc nghiệm trong Subud	62
Trắc nghiệm Mộc tinh	64
Chứng nghiệm của tôi về Hành Lang tới Thiên Đàng	65
Latihan và cái chết của bà mẹ tôi	66
ĐI TÌM MỘT ĐỀ CƯƠNG CAO THÂM	69
Những mối bận tâm chủ yếu của thời đại chúng ta	69
Niềm an ủi của tôn giáo	72
Khát khao tự do	73
Tôn giáo và tự do của ụ chí	76
Tôn Giáo và những nền Văn Minh xưa kia	78
Đề Cương cho Nhân Loại của Bapak có nghĩa gì?	80
Đi tìm một Đề cương Cao quý cho Tương lai	83
LỜI BẠT	86
Xã hội hiện đại và nguy cơ Covid-19	86



tác giả

LỜI NÓI ĐẦU

Ba câu hỏi

Paul Gauguin, một họa sĩ trứ danh của Pháp trong thế kỉ 19, khắc 3 câu hỏi trên một bức họa mà ông coi là tuyệt tác. Đầu đề của bức họa là Chúng ta đến từ đâu? Ba điều ông hỏi là:

- Chúng ta đến từ đâu?
- Chúng ta là ai?
- Chúng ta đi về đâu?

Gauguin vỡ mộng vì tình trạng vô nhân đạo của nền văn minh hiện đại và nền văn hóa thành thị, nên ông đến Tahiti để đi tìm một xã hội nguyên thủy. Nhưng tại đó ông cũng chứng kiến sự tàn phá của Tahiti vì nền văn minh hiện đại. Chán nản, ông có ý định tự tử. May mà ông đã không chết, và bức họa Chúng ta đến từ đâu? của ông trong lúc đó được cất giữ tại viện nghệ thuật Boston. Những câu hỏi ông đặt ra vẫn không được giải đáp 100 năm sau đó.

Hiện nay thế giới đang trong tình trạng nhanh chóng biến chuyển. Cuộc cách mạng trong công nghệ dữ liệu và truyền thông đem thế giới đến gần nhau, và làn sóng của văn minh đã đạt tới khắp nơi trên địa cầu, với mọi xã hội. Văn minh đã đem đến nhiều điều lợi, nhưng các cộng đồng khắp nơi bị méo mó một cách đáng ngại.

Hiện nay chung quanh con người là những cơ cấu nhân tạo, thay vì sự sống với thiên nhiên. Nên không có gì ngạc nhiên là sinh ra từ thiên nhiên, con người lại bị chi phối bởi những căng thẳng vô hình. Biểu hiện của nó là những dị thường của thể chất, như dị ứng, cận thị và phiền muộn. Ngay cả cách chúng ta suy tư cũng biến thể. Bởi càng hấp thụ thêm chủ nghĩa vật chất, trí óc mình càng có tính

chất vật chất và mất tính nhân đạo: chúng ta bắt đầu đối tượng hóa những ai chung quanh mình. Thay vì dùng khoa học, quán quân của văn minh hiện đại, để khám phá cái chủ đích tối thượng là một chủng tộc, phần đông thiên hạ tỏ vẻ lãnh đạm với vấn đề đó, hay không coi đó là một đề tài nghiên cứu chính thống.

Mục tiêu tập sách này là rọi ánh sáng vào sự bí hiểm vĩnh cửu của nhân loại, điều được Gaugin miêu tả một cách đáng kể, và đồng thời đề nghị một đề cương cho cái tương lai chung của chúng ta. Để tìm thấy ánh sáng đó, tôi đề cập tới sự hiểu biết mới lạ về trí óc con người, về thực tại của nhân sinh và cái vũ trụ tâm linh, điều đem đến cho thế giới bởi Pak Muhammed Subuh, vị khai tổ của phong trào Subud.

Trước hết, chúng ta hãy coi xem mình đã hiểu biết được bao nhiêu về chính mình và thế gian, theo những gì khám phá được cho tới nay.

LỊCH SỬ CỦA TRÁI ĐẤT VÀ SỰ SỐNG

Sự sinh thành của trái đất và vũ trụ

Trái đất chỉ là một trong những hành tinh đi vào quỹ đạo của mặt trời. Khoa học cho chúng ta hay vụ nổ lớn (big bang) là khởi điểm của vũ trụ khoảng 13.7 tỉ tỉ (billion) năm trước đây, và Thiên Hà, trong đó có mặt trời và trái đất, được tạo ra cách đây 4.5 tỉ năm. Theo thuyết hiện hành nhất về nguồn gốc sự sống, trái đất ban đầu là một sao băng (fireball) dần dần nguội lạnh, và sau 700 triệu năm sự sống lần đầu xuất hiện trên địa cầu. Đó là vào khoảng 3.8 tỉ năm trước đây. Bằng chứng của điều đó được tìm thấy trong những lớp đất và hóa thạch.

Nếu xét theo những điều kiện cần cho sự sống trên những hành tinh như trái đất, thì cái khoảng thời gian đó khá ngắn ngủi. Điều kiện đầu tiên là sự hiện diện của nước: các sinh vật không thể tồn tại nếu thiếu nước, vì đó là một thành phần cấu tạo quan trọng nhất của chúng. Bảy mươi phần trăm diện tích trái đất là nước, trong hình dạng những đại dương mênh mông và những thể cách khác của nước.

Còn có một vấn đề sinh tử khác là khoảng cách của mặt trời, nguồn ánh sáng và sức nóng lớn nhất. Sự sống không thể xuất hiện, nếu nhiệt độ quá nóng hay quá lạnh.

Kể đến, trái đất phải được bao bọc bởi một không khí bao gồm khí ô-xi, khí cacbôníc và ni-tơ. Ô-xi thiết yếu cho sự sống, vì nó được dùng là phương tiện lấy được những chất dinh dưỡng tạo sức nóng và năng lượng cho cơ thể. Phải có khí ô-xi trong nước cho sự tồn tại của cá. Khí cacbôníc thiết yếu cho thảo mộc; thiếu nó thảo mộc không thể biến ánh mặt trời thành năng lượng dinh dưỡng thông qua sự quang hợp, và thảo mộc cũng không thể cung cấp ô-xi

cho sự sống của những sinh vật khác. Chất ni-tơ cũng thiết yếu cho tất cả các sinh vật, và là một thành tố thụ tinh cho thảo mộc.

Vũ trụ cũng phức tạp không kém, và như trái đất cũng bị chi phối bởi những đặc tính bất biến, những bất biến của điện từ và lực hấp dẫn. Những bất biến đó rất có thể đã được quy định trong vụ nổ lớn và lúc sinh thành của vũ trụ. Nếu vì một nguyên nhân nào đó mà một trong những bất biến đó chỉ hơi khác một chút, thì vũ trụ đã chưa từng được tạo thành, mặt trời và trái đất cũng đã chưa từng tồn tại, và chính chúng ta đây cũng vậy. Những bất biến đó của thiên nhiên nằm trong một phạm vi hoàn toàn hỗ trợ cho sự sinh tồn của nhân loại, cùng với sự tồn tại của mặt trời và trái đất. Chúng ta sinh thành trên trái đất, với một vũ trụ trong tầm nhìn mình.

Những sự kiện đó vừa khó xảy ra được, vừa kì diệu. Ngay cả với những toán học phức tạp, xác suất cho một sự xúng hợp của những bất biến thiên nhiên đồng thời xảy ra là con số không. Tại sao lại có cái tình trạng khó xảy ra được đó? Sự kì bí đó là câu hỏi đầu tiên chúng ta đặt ra về vũ trụ và trái đất.

Nguyên lí Nhân bản và thuyết Đa Vũ Trụ

Những khó khăn mà sự kì bí đó đặt ra vẫn còn được xử trí bởi khoa học, và những đáp án có thể tóm lược thành hai loại.

Loại đầu tiên là điều khó xảy ra được đó do sự can thiệp của một trí tuệ siêu nhân. Thuyết đó được gọi là nguyên lí nhân bản.

Loại thứ hai là quan niệm đa vũ trụ: cái biến cố có vẻ không xảy ra được đó không do một siêu trí tuệ nào đó, mà do sự tồn tại đồng thời của nhiều vũ trụ. Ta không thể tính xác suất sự ăn khớp của những biến cố đó, nếu chỉ có một vũ trụ duy nhất. Nhưng nếu có vô số vũ trụ, thì điều có thể xảy ra là có những điều kiện phi thường một trong những vũ trụ đó. Người ta tin rằng sự xuất hiện của vũ trụ với vụ nổ lớn không do một chân không trống rỗng, mà

do một „chân không” chứa năng lượng. Trong vụ nổ đó, các hạt cơ bản sinh thành, để bắt đầu tạo thành những vũ trụ, và mỗi hạt cơ bản cũng tạo một vũ trụ của chính nó ngay lúc đó.

Nguyên lí nhân bản nhìn nhận sự hiện hữu của một siêu trí tuệ bên ngoài nhân loại, - nhưng đó không nhất thiết là của Thượng Đế - và tranh luận về việc điều đó liên quan tới sự sinh thành của vũ trụ hay không. Giới khoa học vẫn còn phản đối việc dùng chữ Thượng Đế. Khoa học hiện đại sinh ra lúc trận đụng độ giữa khoa học và tôn giáo trong thế kỉ 17 tại Âu Châu, điển hình là vụ tòa án xét xử Galileo Galilei. Trong vụ xử đó, Galileo biện minh cho thuyết Copernic, thuyết coi trái đất xoay quanh mặt trời, trái với thuyết Ptoleme của các nhà thần học Thiên Chúa giáo, thuyết coi trái đất là trung tâm của vũ trụ, với mặt trời và các ngôi sao bất di bất dịch trên nền trời.

Các nhà thần học đã thắng kiện, và người ta thuật lại rằng lúc đó Galileo đã lẩm bẩm nói với mình „Dù vậy, quả thực trái đất đã chuyển động.” Về sau, càng có thêm những phát hiện của khoa học chống đỡ cho thuyết Copernic, và cuối cùng thì khoa học đã thắng thế, tư tưởng của Galileo được xác nhận. Nhưng cuộc xung đột gây chấn thương đó đã ảnh hưởng dài lâu tới khoa học: Thượng Đế và tôn giáo là kẻ thù của khoa học, và điều đó còn được đa số giới khoa học chấp nhận.

Ban đầu, khoa học là một phần của triết học mà người Hy Lạp cổ đại gọi là khoa học thiên nhiên. Trong thời Trung Cổ dưới sự thống trị của Thiên Chúa giáo, khoa học bị coi là tô tử của thần học. Kết quả của tranh cãi của Galileo, khoa học dần dần được độc lập, nhiều phương pháp luận mới lạ được thành lập cho sự sinh thành của khoa học hiện đại.

Để minh bạch phân biệt khoa học với tôn giáo, những phương pháp luận đó dùng những thuật toán, cùng với quan sát và thí nghiệm. Các nhà khoa học định lượng những tìm tòi của họ, bằng cách biểu đạt các dữ liệu thành những công thức toán học, khiến có những kết luận đích xác. Các định luật thiên nhiên được biểu đạt thành công thức toán học, vì chỉ có thể hiểu rõ được quan hệ của các

định luật qua những định lí toán học. Thế nên, không như ngôn ngữ tự nhiên, toán học được coi là ngôn ngữ thích hợp cho khoa học.

Tuy làm rộng thêm tính khách quan và lô-gích của khoa học, nhưng những phương pháp luận mới mẻ đó cũng làm cho tầm mức của khoa học bị hạn hẹp, bởi bất cứ những gì không thể định lượng, hay biểu đạt thành công thức toán học, thì không thể là đề tài nghiên cứu. Do đó mà khoa học loại trừ những đề tài như Thượng Đế, linh hồn và thế giới sau lúc chết. Nếu không xác nhận được sự hiện hữu của điều gì đó, khoa học tin điều đó, tuy như vậy là không đúng, là tuyệt đối không hiện hữu. Nên những đề tài nghiên cứu tâm linh, ngay cả trí tuệ, đã bị loại trừ. Làm cách nào có thể định lượng trí tuệ?

Tuy được coi là nghiên cứu trí tuệ, nhưng tâm lí học hiện nay chỉ nghiên cứu những hành vi của con người. Tâm lí học quan sát và định lượng những hành vi mà động lực là cảm xúc. Bởi là khoa học nên tâm lí học chỉ nghiên cứu những hành vi được phân loại và định lượng.

Có những người ý thức được sự hạn hẹp của khoa học bởi những thiếu sót đó, nhưng phần đông thiên hạ không nhìn nhận điều đó. Họ vô điều kiện tin cậy những tri thức của khoa học, nên cuộc sống họ chỉ quanh quẩn vào đó. Sự kiện kì diệu tất cả các bất biến thiên nhiên đều nằm trong phạm vi cho sự sinh thành của tất cả các sinh vật, vẫn còn là một vấn đề khó xử cho các nhà khoa học. Điều đó khiến người ta tin tưởng nguyên lí nhân bản.

Nguyên lí Nhân bản

Nguyên lí nhân bản thừa nhận sự can thiệp của một trí tuệ siêu nhân vào sự hình thành của vũ trụ. Nguyên lí đó phân chia thành cường lí hay nhược lí, tùy theo mức độ can thiệp của một trí tuệ siêu nhân. Nhược lí nhìn nhận có một siêu trí tuệ can thiệp vào việc quy định tuổi tác của vũ trụ và vị trí của thái dương hệ, và còn nhiều điều hơn thế nữa. Bằng cách hình dung cơ cấu của vũ trụ, chúng ta tìm cách hiểu rõ tại sao sự can thiệp đó là thiết yếu.

Cường lí còn đi xa hơn để đặt ra những định lí vật lí chi phối trạng thái của vũ trụ, tùy theo những gì thuận lợi cho con người. Nếu chưa từng nhìn lên trời, con người có lẽ đã không biết là có vũ trụ. Chúng ta có thể hỏi: “Nếu không ai nhìn nó, thì có mặt trăng hay không?”

Chúng ta phải trả lời ra sao đây?

Tuy mặt trăng có vẻ như không có nếu ta không nhìn nó, nhưng nó thực sự có hay không lại là một chuyện khác. Thực vậy, câu hỏi đó là mối bận tâm của triết học Phật giáo Đại thừa. Theo triết học đó, vũ trụ và tất cả những gì trong đó là một chân không trống rỗng, và những gì ta nhìn thấy là kết quả những trình độ khác nhau của trí tuệ. Bởi chỉ có sự trống không đó, nên con người tin rằng mình có thể dùng trí tuệ để thay đổi thế giới. Cái khái niệm hư không hay trống không đó là căn bản của Phật giáo.

Thuyết đa vũ trụ, mặt khác, như đã đề cập, cho là không chỉ có một, mà có nhiều vũ trụ. Nhưng bởi những điều kiện và định luật chi phối những vũ trụ đó khác với những gì của chúng ta, nên chúng ta không vào đó được.

Thuyết đa vũ trụ không thể được chứng minh qua thí nghiệm, nhưng chúng ta có thể dùng vật lí học hạt nguyên tử (particle physics) và toán học để chứng minh tiềm năng có nhiều vũ trụ. Hiện nay, các nhà vũ trụ học tiếng tăm nhất cho thuyết đó là đúng. Như trường hợp của thuyết vũ trụ đa chiều (multidimensional universe) và thuyết siêu hạt (superstring).

Tổ tiên của loài người

Như đã đề cập, sự sống xuất hiện trên trái đất cách đây 3.8 tỉ năm. Tổ tiên chúng ta tiến hóa từ thú vật cách đây hơn 7 triệu năm. Ban đầu, sự sống là những tế bào prokaryotic (đơn bào) như những vi khuẩn. Những sinh vật đó tiến hóa thành tế bào eukaryotic (phức tạp hơn với những nhân) để cuối cùng biến thành những sinh vật dưới biển. Những sinh vật đó tiến hóa thành những động vật lưỡng cư (amphibian) rồi thành loài bò sát (reptile) để trở thành loài chim chóc và loài khủng long là những

động vật hữu nhũ (mammal). Từ các động vật linh trưởng (primate) tách ra một loài mới là loài khỉ để cuối cùng thành loài người tinh khôn (homo sapiens.)

Với con người, bào thai phải mất khoảng 9 tháng trong cơ thể người mẹ để tăng trưởng. Điều lí thú là trong giai đoạn tăng trưởng đầu tiên, bào thai giống như một con cá. Tiếp theo là một giai đoạn bào thai có những đặc điểm của động vật lưỡng cư, rồi của động vật hữu nhũ để cuối cùng thành hình dạng một con người. Thuyết đó của phôi học (embryology) là thuyết tóm lược (recapitulation theory) theo đó sự phát triển của những loài cao cấp phải trải qua những giai đoạn trưởng thành của những loài sơ đẳng.

So sánh gien của loài tinh tinh với loài người hiện đại, ta thấy một sự giống nhau đến 98%. Như loài khỉ hiện nay, loài khỉ đầu tiên sống trên cây. Tới một lúc nào đó, một sự biến đổi nhỏ bé trong những gien của loài khỉ khiến xảy ra một sự chuyển hóa sâu sắc. Tổ tiên chúng ta đạt tới sự tiến hóa mới đó qua một sự phát triển phi thường những chức năng của trí tuệ. Kết quả là các động vật linh trưởng đã không còn trên cây nữa để bắt đầu đi đứng với 2 chân, và đó là khởi đầu sự tiến hóa thành các tổ tiên của chúng ta. Họ không ngần ngại dùng lửa, và làm ra những vật dụng cho đời sống hằng ngày, như quần áo và những đồ bằng đất nung. Trí óc con người tập trung vào việc đạt được những kiến thức về những điều này nọ, về những điều kiện của thế gian này, khiến cuộc sống trở nên dễ thở và tiện nghi hơn. Sự sống xảy ra trên trái đất do những điều kiện kì diệu đã có, nhưng đó không là điều gì dễ dàng.

Các sinh vật sinh thành dưới một hạn chế nặng nề là không thể sống lâu. Muốn sinh tồn thì phải dinh dưỡng với những gì là thức ăn của môi trường bên ngoài, để có thể tiếp tục làm sống lại các tế bào và mô của cơ thể. Thế nên, ăn uống và đi tìm thức ăn là ưu tiên cho các sinh vật. Thực vậy, chẳng hạn, các con chuột chũi (mole) sẽ chết trong một ngày, nếu không tìm thấy thứ gì để ăn.

Đi tìm rồi tiêu hóa thức ăn thì phải tốn năng lượng, để làm cho cơ thể tiếp tục sống. Hậu quả là phải nghỉ ngơi và ngủ. Loại gấu túi (koala) ở Úc tốn sức tích lũy những

lá khuyh diệp, và tiêu hóa những thứ đó tốn nhiều năng lượng, khiến chúng cần phải ngủ 22 tiếng đồng hồ trong một ngày. Loài người cũng có những nỗ lực tương tự để sống còn.

Điều quan trọng phải để ý là môi trường trái đất thay đổi thường xuyên: chẳng hạn, trong thời kì băng hà, những sông băng trên diện tích trái đất đã tan chảy trong những thời kì nóng hơn. Thời kì băng hà lâu khoảng 100.000 năm, còn thời kì nóng hơn là 10.000 năm. Hết thời kì băng hà Holocene, chúng ta bước vào thời kì gian băng (interglacial). Thời kì đó chỉ lâu hơn 10.000 năm, nên không có gì là lạ nếu sắp có một thời kì băng hà kế tiếp. Mới đây, hiện tượng trái đất nóng dần càng rõ nét hơn, điều làm cho khó tiên đoán được tương lai.

Trong thời kì băng hà và gian băng, nhiệt độ gia tăng từ 5 tới 10 độ, mặt biển cũng thay đổi, với một sự chênh lệch hơn 100m. Trong những lúc đó, các đại lục hạ thấp xuống dưới mặt biển, bị bao phủ bởi sông băng, hay nối kết với nhau để tạo thành những đại lục lớn hơn, hoặc những núi đồi mới. Những biến chuyển đó của trái đất vẫn còn xảy ra. Chẳng hạn, cách đây khoảng 10.000 năm, Á Châu và Bắc Mỹ tạo thành một đại dương duy nhất, nên loài người có thể đi bộ di cư qua lại giữa đôi bên.

Tổ tiên chúng ta phải thích nghi với những biến động đó trong môi trường để sống còn. Thực ra, cái thế gian này chưa từng là một môi trường lí tưởng cho con người – đến nỗi điều này hầu như là phi lí. Những tai ương thiên nhiên như động đất, sóng thần, bão to, nạn lụt, cùng với sấm sét, đã giết chết hay gây thương tích cho nhiều người. Chúng ta cần phải ăn uống để sống còn, thì những thứ như quả hạch, cá và thú rừng luôn không có sẵn. Chúng ta cần một phương cách để sống còn trên thế gian này.

Đường lối mà tổ tiên mình lựa chọn là phát triển óc não và trí tuệ: họ học được cách tập trung những năng khiếu của trí óc để hiểu cách hoạt động của những gì trên thế gian, khiến tránh né được những tai ương, hay làm bớt được những tai hại do đó. Đường lối đó đã đem lại kết quả, con người bắt đầu làm những quần áo thích nghi với cơn lạnh và nóng, học được cách nấu nướng thức ăn trong những

nồi bằng đất nung, và cải thiện được cuộc sống mình bằng cách xây cất những căn nhà, thay vì phải ngủ trong những hang động. Khai thác nông nghiệp làm cho cuộc sống họ thay đổi rất nhiều.

Nông nghiệp khiến sản xuất được thêm ngũ cốc và thức ăn cần cho đời sống hằng ngày. Điều đó dọn đường cho sự sinh thành của xã hội. Sự dư thừa thức ăn tạo nên khái niệm quyền sở hữu, nên phải có một quyền lực và tổ chức quy định ai là chủ nhân và được quyền dùng những thức ăn đó. Ngọn lửa của dục vọng được châm lên.

Ngọn lửa đó lớn mạnh thêm để lan ra khắp nơi. Đối tượng của dục vọng không chỉ là sự giàu có, quyền sở hữu hay ngọc thạch, mà còn là những thứ không thể mớ tới, cho tới khi tạo nên một sự kỳ thị, một sự cách biệt giữa người giàu kẻ nghèo. Điều đó là cho muốn mình hơn và đứng trên những người khác để thống trị họ.

Dục vọng mà va chạm nhau thì xảy ra xung đột. Hậu quả những mâu thuẫn của dục vọng giữa các quốc gia là chiến tranh. Để tránh điều đó, chúng ta tìm cách thỏa hiệp, nhưng điều rất thường xảy ra là những cuộc điều đình được thực hiện dựa vào sức mạnh, với sự tham gia của tinh thần quốc gia, tính tự phụ và tín ngưỡng. Thiên hạ thường tìm cách thay đổi tình cảnh mình bằng cách loan báo những lí tưởng của mình. Ngọn cờ cuộc Cách mạng Pháp là tự do, công bằng và tình anh em, nhưng khi chiến thắng các nhà cách mạng thực hiện một cuộc thanh trừng đẫm máu, bằng cách bạo tàn dùng bạo lực giết chết những kẻ thù của mình. Sự tự do, công bằng và tình anh em mà họ ca tụng chỉ là cho chính họ.

Cộng sản cũng cầu đến khái niệm công bằng và những lí tưởng của cuộc Cách mạng Pháp. Nhưng ở Liên Xô và Trung Quốc, Stalin và Mao Trạch Đông là những nhà độc tài tàn nhẫn đàn áp đối lập. Cộng đồng Âu Châu đã thừa hưởng một vài lí tưởng đó, nhưng cũng trầm trọng bị suy yếu do sự tách biệt của nước Anh khỏi cộng đồng. Muốn hiểu được tại sao những biến cố đó xảy ra, ta phải hiểu nhiều hơn về bản chất của loài người cùng với những hoạt động của trí óc.

Những Bí hiểm của chuỗi Thức ăn

Sự hiện hữu của chuỗi thức ăn giúp chúng ta hiểu được sự sống trên thế gian. Tất cả các sinh vật phải ăn uống để sinh tồn. Các sinh vật trên trái đất nối liền nhau qua việc con lớn ăn con bé, hay bị con lớn hơn ăn mình, tới chỗ trên hết là loài người. Thể chất loài người thì nhỏ kém, nhưng chúng ta đã trở thành một quyền lực vô địch trên trái đất, bằng cách dùng những vũ khí và công nghệ tạo nên bởi trí óc – như một Thượng Đế cai trị vạn vật.

Ăn và giết chết những sinh vật khác có vẻ như một hành vi tàn bạo. Nhiều người thấy thế gian chúng ta là một nơi chốn chỉ kẻ tài giỏi nhất là có thể sinh tồn thích nghi được cuộc sống mình. Mặt khác, có những người tránh tàn bạo sát hại thú vật, bằng cách chỉ ăn những gì là thực vật. Nhưng điều không thể tránh được là thiên nhiên dựa trên chuỗi thức ăn.

Các thú vật thường đẻ nhiều trứng hơn cần thiết, còn thảo mộc thì gia tăng những hạt giống và trái cây mà các sinh vật khác có thể ăn. Nhờ vậy, chuỗi thức ăn duy trì sự quân bình hệ sinh thái của toàn thể trái đất. Ngoài ra, các thú vật không sát hại nhau, nếu không cần thiết. Khi một con thú thỏa mãn được cơn đói bằng cách ăn một con khác, nó sẽ chỉ công kích một con mới khác nếu thấy đói trở lại. Chỉ loài người là vô cùng tàn nhẫn với những sinh vật khác. Để phát triển trí óc, loài người đã hy sinh cái bản năng không cần phải sát hại đó của mình, và hậu quả là ta có thể trở nên hết sức tàn bạo. Thức ăn của chúng ta được sản xuất hàng loạt với những xí nghiệp thực phẩm quy mô rộng lớn, như nông trường nuôi heo và gà vịt. Những phương pháp nuôi thú thường tàn nhẫn: nhiều con thú bị dồn vào một không gian nhỏ bé để nuôi béo mà chỉ tối thiểu tốn công và tiền.

Nguyên tắc chuỗi thức ăn cũng áp dụng cho sự tiến hóa của hai loại tế bào eukaryotic và prokaryotic mà tôi đã nói tới. Những tế bào eukaryotic là đơn bào, còn prokaryotic là đa bào. Sự biến chuyển của những sinh vật eukaryotic thành prokaryotic là bước đi đầu tiên của sự tiến hóa. Tuy nhiên, việc những tế bào prokaryotic biến thành eukaryotic

vẫn còn là một bí hiểm của sinh vật học. Theo một thuyết hiện hành, những tế bào prokaryotic lớn ăn những tế bào prokaryotic bé nhỏ hơn, và do đó, thay vì chết, những tế bào nhỏ bé đó có một quan hệ cộng sinh (symbiotic) để tạo thành những tế bào eukaryotic.

Ăn tức là tiêu hóa một sinh vật khác để tăng cường và xây dựng lại từ bên ngoài. Mặt khác, đó cũng là không còn tồn tại nữa để trở nên một thành phần của những gì khác, để những cái đó tăng trưởng. Điều đó có thể khiến hiểu được chức năng chuyển hóa của các sinh vật, nhưng có một điều lí thú nên tìm hiểu là khi bị tiêu hóa những tế bào nhỏ bé đã không chết, khiến có một quan hệ cộng sinh những cái tiêu thụ mình. Có một điều tương tự với loài người, khi ta ăn thịt cá hay rau cải. Những thứ đó nhập vào cơ thể, nhưng thay vì chết chúng tạo nên một quan hệ cộng sinh với chúng ta.

Các thức ăn đều chứa đựng năng lượng – hay sinh lực – không bị tiêu hủy trong quá trình nấu nướng. Thay vì vậy, chúng tiếp tục sống nơi bên trong chúng ta – trong tình trạng cộng sinh, có thể nói vậy. Chúng xúc tiến cho có năng lượng và những việc làm cần thiết cho cuộc sống trên thế gian. Tác động những sinh lực đó sẽ được giải thích cặn kẽ hơn trong chương tới.

Theo thuyết vật linh thì có những thần khí trong tất cả những gì trên thế gian này, và nhiều nền văn minh vẫn còn tin điều đó. Nhưng thuyết vật linh đã không còn được thừa nhận, khi thuyết tiến hóa được dạy trong chương trình học của nhà trường. Thuyết vật linh bị coi là một tôn giáo sơ khai, hay là một số những mê tín dị đoan của một thời kì trí tuệ kém phát triển. Theo thuyết tiến hóa, tôn giáo bắt đầu với thuyết vật linh, rồi biến thành đa thần giáo, để cuối thành tín ngưỡng nhất thần như của Do Thái, Thiên Chúa và Hồi giáo. Có thực sự là vậy?

Chẳng hạn như những tập tục của dân Ainu, một sắc dân bản địa của Nhật Bản, hiện thân của thuyết vật linh trong đó có quan niệm chuỗi thức ăn. Dân Ainu săn bắt gấu để ăn, nhưng họ cũng tôn thờ gấu là hóa thân của một thần linh. Họ tin rằng thần linh đó trở thành thịt cho loài người ăn để duy trì sự sống, nên tạ ơn thần linh đó qua những lễ

nghi. Giết gấu không bị coi là một hành vi độc ác. Ăn thịt gấu tức là hấp thụ sự sống của gấu vào nơi mình, để tạ ơn thần linh đó vì cho mình tiếp tục sống. Hoàn toàn không có sự khác biệt giữa người và gấu, và điều đó khiến hiểu thêm được quan niệm chuỗi thức ăn. Khi gấu bị giết chết để ăn, dân Ainu nhìn nhận sự sống của gấu đã không mất, mà còn cùng tồn tại với con người trong cơ thể của kẻ ăn gấu. Nhiều tín ngưỡng vật linh tương tự vẫn còn tồn tại trong những tôn giáo sắp xếp theo thứ bậc của hiện nay.

Bản chất con người là gì?

Tuy làm cho chúng ta vô cùng được lợi, nhưng khoa học không thể không có những thiếu sót. Cuộc sống chúng ta trở nên tiện nghi và dễ thở hơn, vì có rất nhiều những khả năng mới lạ. Tuy thế, chúng ta không thể chối cãi việc có những giới hạn cho những phương pháp luận của khóa học và những quan sát dựa vào đó.

Cách đây 80 năm, bác sĩ người Pháp Alexis Carrel, một người được giải Nobel, viết một cuốn sách bán chạy khắp thế giới, cuốn *Man, the Unknown*. Chỉ trích nền văn minh hiện đại và thế giới quan của khoa học, Carrel cho thấy rõ chúng ta vẫn hoàn toàn không còn biết gì về con người

Sách được dịch ra 18 thứ tiếng, với 10 triệu cuốn được bán khắp thế giới. Nhưng sau khi ông chết, Carrel bị chỉ trích nặng vì sự hỗ trợ cho thuyết ưu sinh (eugenic) – sự mong muốn tạo ra hạng người siêu đẳng qua di truyền – và sự hợp tác với Đức Quốc Xã của ông. Tên tuổi ông bị kiêng kị, uy thế ông mất dần.

Tôi nhớ mình đã đọc sách của Carrel khi còn trẻ. Ông có những quan niệm ấn tượng, mà tôi nhắc tới ở đây không để giới thiệu cho sách. Trong 80 năm kể từ lúc sách in ra, khoa học đã tiến triển rất nhiều, khiến cuộc sống chúng ta thay đổi. Nhưng đọc sách ông, tôi nghĩ là còn rất nhiều điều về con người mà chúng ta chưa biết, và hiện nay đó là những gì chúng ta phải nghĩ tới.

Khi còn trẻ Carrel dạy tại đại học Lyon, và một hôm nọ ông quyết định tới Suối Lourdes, nơi nhiều người kì diệu

lành bệnh vì sự hiện thân của Đức Mẹ. Vì là một nhà phẫu thuật, Carrel có ý định phân tích theo khoa học làm sao nước sôi có thể kì diệu làm lành bệnh. Nhưng điều ông nhận thấy là sự lành bệnh kì diệu của một nữ bệnh nhân; bà đã cùng ông tới Lourdes, mà theo sự chẩn đoán của ông bà sẽ chết trong vài ngày. Lúc đó, dạ dày bà đã sưng phồng trong giai đoạn cuối của bệnh ung thư peritonitis. Trong vòng vài phút sau khi đến, tất cả những triệu chứng của bà đã không còn nữa, và điều kinh ngạc là cơ thể bà đã lấy lại sức khỏe.

Carrel xúc động và bối rối vì sự xung đột giữa đức tin với tinh thần khoa học của mình. Sau những thống khổ, ông đã lựa chọn đức tin, và không còn đặt nhiều kỳ vọng vào những kết luận của khoa học và lý trí.

Khoa học đã cho chúng ta biết bao kiến thức, nhưng những cái đó càng lúc càng rời rạc, càng lúc càng chuyên môn hóa và khó hiểu. Hậu quả là một nhãn quan càng lúc càng buồn tẻ. Khoa học quan tâm tới những hiện tượng có thể giải thích, nhưng mỗi khi điều gì đó được giải thích, thì lại có thêm điều gì mới lạ là thành phần của những gì được giải thích. Thành phần đó được phân hóa thành những đơn vị nhỏ bé hơn, nhưng rồi lại thêm một bí ẩn khác, và cái quá trình đó còn tiếp diễn không biết lúc nào sẽ hết. Tuy điều quan trọng là giải quyết những bí ẩn nhỏ bé hơn, nhưng chúng ta cũng cần phải có một sơ đồ, hay bản thiết kế, để nhìn thấy được toàn bộ bức tranh. Nếu không thì chúng ta sẽ dễ lạc đường, như một lữ khách lạc trong rừng rậm, hay lái thuyền vào đại dương mà không biết phương hướng, tuy nhìn thấy bên cạnh những gợn nước, những tảng đá và hòn đảo. Đoạn tiếp theo bàn luận tới những thiếu sót của khoa học trong quá khứ.

Những tín hiệu khoa học bị đảo ngược

Vừa rồi, những nghiên cứu khoa học đã làm đảo lộn những tín hiệu lâu đời mà xã hội chấp nhận là khoa học. Cú sốc lớn nhất là sự xuất hiện của thuyết lượng tử (còn được gọi là cơ học lượng tử, hay vật lí hạt phân tử)

Thuyết trọng lực của Newton thống trị vật lí học từ giữa thế kỉ 17. Trong hơn 200 năm, các nhà khoa học cho đơn vị nhỏ bé nhất của vật chất là nguyên tử. Nếu khoa học tin là như vậy thì quần chúng cũng tin theo. Nhưng đến cuối thế kỉ 19 và đầu thế kỉ 20, sự phát hiện của những hạt cơ bản gọi là electron cho thấy điều đó không là sự thật. Các nguyên tử bao gồm một hạt nhân tại trung tâm, với những electron chung quanh. Các nhà khoa học nhận thấy electron là một loại hạt cơ bản, và hạt nhân của nguyên tử là nơi tích tụ của những hạt cơ bản. Nguyên tử không còn là đơn vị vật chất nhỏ bé nhất, vì người ta nhận thấy có những hạt phân tử nhỏ bé hơn. Điều đó là nguyên nhân phát sinh của thuyết lượng tử, một thuyết tìm cách hiểu được những thuộc tính đó. Nên sự nghiên cứu các hạt cơ bản đã mở cửa cho thấy một thế giới mới lạ mà ta chưa từng nghĩ tới – một thế giới trong đó các hạt cơ bản vừa là làn sóng, vừa là hạt phân tử.

Khi xem xét bản thể của các electron, người ta nhận thấy thay vì thụ động để cho hạt nhân lôi kéo và đi vào vòng quỹ đạo của nó, các electron có thể tự do đi ra ngoài đó, và đó là những gì được gọi là những electron tự do. Có điều thú vị này là khi nghe nói tới điều đó, Bapak nhận thức được đó là điều chống đỡ cho những quan sát của mình về sự sống động và luôn thay đổi của vật chất: tuy bị chi phối bởi nhiều hạn chế, vật chất có thể ảnh hưởng tới những thứ chung quanh nó – điều này tôi sẽ nói thêm trong những chương sau.

Khoa học định nghĩa vật chất là một tập thể của hạt phân tử rắn đặc. Những hạt phân tử rắn chắc đó có một vị trí đặc biệt tại một nơi nào đó trong không gian, trong một lúc đặc biệt nào đó. Nếu có gì khác tìm cách nhập vào nơi chốn đó, nó sẽ bị ngăn cản bởi những gì đã có trước đó nơi đó. Thuộc tính đó của vật chất tương tự cách con người lập nên những hàng rào, bức tường và cánh cửa để ngăn chặn bọn cướp. Mặt khác, các làn sóng thì không có vị trí. Những gì chúng ta thực sự nhìn và nghe thấy, như các gợn sóng, sóng biển, hay những âm thanh trong tai, không đích thực là làn sóng, mà là những rung động của nước và không khí, những trung gian cho sự truyền làn sóng trong thế giới vật lí. Những làn sóng đó phải tốn thời

gian để truyền đi trên một con đường dài vì trở lực của các trung gian, và do đó với thời gian và không gian những rung động đó mất dần năng lực để cuối cùng biến mất.

Các hạt cơ bản không dùng vật chất để truyền làn sóng, bởi chính bản thể của chúng cũng là làn sóng. Những làn sóng đó không hữu hình, vì mắt chúng ta không thể nhìn thấy bất cứ gì không là vật chất. Người ta nghĩ rằng những làn sóng đó truyền đi trong một chân không vô hình và vô tận. Tuy ta không thể xác nhận đó là sự thật, một cuộc thí nghiệm – điều gọi là thí nghiệm qua hai kẽ hở (double-slit experiment) - cho thấy các hạt phân tử cũng mang bản thể của làn sóng.

Trong thí nghiệm đó, những electron từ một bộ máy được bắn vào những electron trên một màn ảnh phía trước một bức tường. Màn ảnh đó có 2 kẽ hở song song, và nếu là phân tử rắn chắc, thì những electron bắn ra đó phải đi qua một trong 2 kẽ hở mà đụng vào bức tường sau đó, với những dấu vết trên đó. Nhưng điều xảy ra là những electron đó đã đi qua cả 2 kẽ hở để đụng vào tường theo một khuôn hình với những sọc đặc biệt của sự cộng hưởng (resonance) của những làn sóng. Ban đầu, người ta nghĩ rằng điều không thể xảy ra là các electron có thể va chạm và xen vào nhau, để tạo thành một sự cộng hưởng của làn sóng. Nhưng chuyện không thể có đã xảy ra. Trí óc chúng ta không thể hiểu được như thế nào vật chất có thể đồng thời có 2 thuộc tính không xứng hợp nhau: có một vị trí trong không gian nếu là phân tử rắn chắc, nhưng không có gì nếu là làn sóng. Nhưng điều kỳ quái hơn là khi ta nhìn xem cách ứng xử của các phân tử cơ bản. Những phân tử đó trở thành làn sóng nếu ta không quan sát chúng, nhưng ngay khi ta tìm cách phát giác chúng, chúng không còn là làn sóng nữa, mà biểu lộ thuộc tính rắn chắc của phân tử. Chỉ lúc đó, ta mới nhận biết được vị trí và sự chuyển động của chúng.

Một phát giác khiến kinh ngạc khác là sự vướng víu lượng tử (quantum entanglement) trong đó có những cặp phân tử cơ bản nối kết với nhau, khiến cho dù xa cách nhau tới đâu đi nữa, spin của chúng, tức chiều hướng của góc độ xoay vòng, lập tức liên lạc với nhau. Nếu một phân tử thay

đổi chiều hướng của spin, thì spin của phân tử kia cũng thay đổi theo ngay lúc đó. Những phân tử đó có thể tồn tại bất cứ đâu trong vũ trụ, nhưng lại có thể tức khắc liên lạc với nhau – còn nhanh hơn cả vận tốc ánh sáng.

Thế giới của phân tử cơ bản có những độ lớn nhỏ hơn $1/1000$ của một cm. Nếu một phân tử cơ bản to lớn như một con người, cơ thể chúng ta sẽ như toàn thể vũ trụ. Những biến cố trong cái thế giới cực kì nhỏ bé đó có vẻ như không trực tiếp tác động tới cuộc sống chúng ta trong cái thế giới to lớn của mình. Người ta đã phát giác được những vật chất lớn hơn nhưng có những thuộc tính như phân tử cơ bản. Càng biết nhiều về thế giới các phân tử cơ bản, ta càng đến gần một mô hình không như trước. Vật lí lượng tử là một thí dụ điển hình về việc những thuyết khoa học hiện hành bị đảo lộn bởi chính khoa học. Thực vậy, vật lí lượng tử đã thành môn vật lí học mới của hiện nay.

Trường hợp kế tiếp về sự đảo lộn của những thuyết khoa học xảy ra trong năm 2012, khi thiên văn học phát hiện được vật chất đen tối và năng lượng đen tối trong vũ trụ. Các nhà khoa học quả quyết trước sau như một: tất cả những gì tồn tại trong vũ trụ đều là vật chất. Họ phân tích vật chất, và đo lường năng lượng của những thành phần của vật chất, như trọng lực, sức hút và sức đẩy. Nếu cộng lại tất cả những năng lượng trong vũ trụ thì sẽ được tổng số của năng lượng. Các nhà khoa học đã làm bài toán đó, nhưng có một câu hỏi vẫn chưa được giải đáp: nếu không có gì trong vũ trụ ngoài vật chất ra thì tại sao vũ trụ vẫn còn tiếp tục bành trướng như hiện nay? Họ cần phải tìm hiểu thêm, và điều đó khiến nhận thấy một điều mà khoa học không thể hoàn toàn giải thích – sự hiện hữu của vật chất đen tối. Lực của vật chất đen tối làm cho khối lượng và trọng lực của vũ trụ co cụm, nhưng bên cạnh đó còn có nguồn lực vô định của năng lượng đen tối làm cho vũ trụ bành trướng.

Cơ quan NASA tiết lộ những tỉ lệ dưới đây trong toàn thể vũ trụ của vật chất, vật chất đen tối và năng lượng đen tối.

1) Tỉ lệ của vật chất là 5%.

- 2) Tỷ lệ của vật chất đen tối là 27%.
- 3) Tỷ lệ của năng lượng đen tối là 68%.

Nói cách khác, tỷ lệ của vật chất không hơn 10% của vũ trụ, và những gì còn lại là một năng lượng vô định mà khoa học hiện nay không xác định được. Sự tiết lộ của NASA khiến cho giới khoa học cũng như quần chúng phải ngạc nhiên.

Một trường hợp sau cùng về việc những tín hiệu của khoa học bị đảo lộn được tiết lộ trong một chương trình của NHK, một đài truyền hình cho đại chúng của Nhật Bản. Trong nhiều năm, NHK đã phái các nhà nghiên cứu tới nhiều quốc gia cho một chương trình gồm nhiều phần có tên là Cơ Thể. Loạt truyền hình đó thuật lại, giữa mùa Thu 2017 và mùa Xuân 2018, những tiến triển mới nhất của y khoa trên khắp thế giới. Giáo sư Shinya Yamanaka của đại học Kyoto, một nhà khoa học lừng danh đoạt giải Nobel về y khoa trong năm 2012, là người thuyết minh của chương trình.

Chương trình đó làm đảo lộn từ nền tảng một thuyết được chấp nhận cho tới nay. Trước đó, khoa học giảng dạy óc não là một bộ chỉ huy ban chỉ thị cho tất cả các bộ phận của cơ thể. Điều đó làm cho óc não thành trung tâm của mọi điều. Tất cả các bộ phận của cơ thể được nối kết với óc não qua một hệ thống tế bào thần kinh hoạt động theo những chỉ thị của óc não.

Ngoài óc não ra, người ta còn biết được trong nhiều năm là các hóc-môn cũng tác động tới chức năng các bộ phận cơ thể. Hóc-môn được tạo ra bởi những bộ phận riêng biệt, và được chuyển tải vào dòng máu, để tác động tới khắp cơ thể. Đáng chú ý nhất là những hóc-môn do bộ phận sinh dục, những corticostereoid do thận và những hóc-môn do tuyến giáp. Óc não cũng chi phối sự sản xuất các hóc-môn, báo hiệu cho các bộ phận về số lượng sản xuất. Điều mới lạ được phát giác là các bộ phận cũng sản xuất những chất giống với hóc-môn mà không do tác động của óc não, để đưa vào máu. Những bộ phận khác nhận được thông tin từ những chất được sản xuất đó, và

đó là điều quyết định những gì chúng phải làm, bằng cách đưa những thông tin đó vào dòng máu. Bởi chúng không có một cái tên chính thức, nên NHK gọi đó là "những chất báo tin." các bộ phận cơ thể tương tác bằng cách trao đổi những chất báo tin. Những nghiên cứu trong những thập niên vừa qua cho thấy sự hiện hữu của hàng ngàn những chất báo tin đó.

Phát giác đó có nghĩa là các bộ phận dùng một hệ thống thông tin không do óc não. Điều khiến ngạc nhiên hơn là hệ thống đó cũng nằm trong một tế bào đơn độc, như một bản thiết kế của các phân tử. Thuyết đó không được phổ biến bởi một hay hai nhà khoa học, mà là kết quả nghiên cứu của các phòng thí nghiệm, và điều đó hiện vẫn còn được làm. Tin đó được loan truyền khắp nước Nhật, và một nhà y khoa Nhật cũng có công trong sự phát hiện đó, sau khi ông thấy tim cũng sản xuất một chất y như hóc-môn. Người ta mong rằng tương lai sẽ còn khám phá được nhiều điều tương tự về cơ thể.

Trong chương này, tôi khởi đầu với thế giới của những hạt cơ bản, rồi đi tới nơi tận cùng của vũ trụ, để cuối cùng trở về nơi cơ thể chúng ta. Trong mỗi trường hợp, bạn đọc thấy được các tín hiệu của khoa học đã bị đảo lộn bởi chính khoa học. Trong một phỏng vấn mới đây của đài truyền hình, tiến sĩ Akira Yoshino, nhà khoa học đoạt giải Nobel hóa học trong năm 2019, đề cập tới việc các sinh viên đều nghĩ rằng mọi điều đã được giải thích, nhưng thực ra thì chỉ là 1% hay 2% của tất cả những gì cần phải biết!

Tiến sĩ Akira Yoshino có thể đã nói như vậy để khuyến khích giới trẻ đương đầu với những thách thức của khoa học, nhưng đó cũng là ý kiến của ông về việc chúng ta chỉ hiểu được khoảng 1% hay 2% của tất cả những gì là bí hiểm của vũ trụ, và bất cứ tín hiệu nào của khoa học cũng có thể bị đảo lộn bất cứ lúc nào.

NHỮNG THÂM TRI MỚI MẸ CỦA MUHAMMED SUBUH

Muhammed Subuh, thường được gọi là Bapak, là thủy tổ của phong trào Subud. Tuy Bapak không còn sống, Subud đã bành trướng khắp thế giới và hiện nay có mặt trên 80 quốc gia. Trọng tâm của Subud là latihan, một lối tu tập thâm huyền chưa từng thấy. Chưa từng có trước đó, lối tu tập theo latihan là sáng tạo của Bapak.

Là một thanh niên Indonesia chỉ 24 tuổi, Bapak nghiệm được lối tu tập theo latihan trong năm 1925. Latihan đến với Bapak như một khối cầu ánh sáng rực rỡ nhập vào đầu Bapak từ phía trên, khiến cơ thể rung động mãnh liệt. Cơ thể Bapak chứa đựng một quyền lực kỳ lạ, như đã trở nên trong suốt và sáng ngời từ bên trong. Các bộ phận của cơ thể bắt đầu cử động không do ý chí. Trong 1000 đêm sau đó, những chứng nghiệm mãnh liệt tương tự cho Bapak thấy được chiều sâu rộng của lối tu tập đó. Đó là khởi đầu của latihan trên thế giới.

Có điều lạ lùng này: tuy những chứng nghiệm đó khiến thức suốt đêm, Bapak có thể mỗi sáng đi làm như thường. Không ai có thể giải thích cho Bapak tất cả những điều đó có nghĩa gì. Bapak nhận thấy những cử động không do ý chí đó biểu lộ sự tiếp xúc giữa linh hồn và Nguồn Đại Lực của Thượng Đế. Qua sự tiếp xúc của latihan, quyền năng

của Thượng Đế tuân vào linh hồn, khiến cho trí óc và cơ thể bắt đầu được thanh lọc. Việc chấp nhận cái quyền năng kỳ bí đó trong cơ thể và tuân theo nó một cách vô điều kiện là sự phụng thờ Thượng Đế của linh hồn.

Cái quá trình thanh lọc đó bắt đầu với các bộ phận của cơ thể và giác quan. Kế đến, nó thắm sâu hơn, khiến cho những chức năng của cảm xúc, của tư tưởng và ý thức lần lượt được thanh lọc. Kết quả là những nhơ nhuốc của cơ thể và trí óc được gột sạch, làm cho chúng ta có thể lấy lại cái trạng thái trong sạch nguyên thủy, để sống một cách thích đáng như một con người thực sự là người. Do đó mà cái quá trình đó phải mất nhiều thời gian.

Với lối tu tập đó theo latihan, Bapak khiến chúng ta tươi mới thấu hiểu được thân phận của loài người. Một cách cụ thể Bapak làm nổi bật đặc tính của trí tuệ: tư tưởng của chúng ta có một mối quan hệ với vật chất. Chúng ta có thể dùng những ý nghĩ của mình để điều khiển các đồ vật và tùy thích tạo ra những dụng cụ và công cụ làm cho cuộc sống mình trở nên thoải mái hơn. Chúng ta dùng ngôn từ để truyền đạt những ý nghĩ của mình. Trong nhiều thập niên, người Tây phương cho cảm xúc là thấp kém hơn ý nghĩ. Họ coi trí óc và lý trí là trong sáng và khách quan – không bị ảnh hưởng bởi cảm xúc và tưởng tượng – và do đó là cách tốt nhất để nối kết với sự minh tuệ của Thượng Đế. Đó có lẽ là một lí do khiến hiểu được địa vị của nam và nữ trong văn hóa Tây phương. Chỉ trong những năm gần đây, cái thành kiến đó mới được đề cập tới.

Việc đặt trọng tâm vào sự lập luận và quan hệ toàn bộ của nó với ngôn từ đã được diễn đạt trong Thánh Kinh. Chương đầu của Phúc Âm, Gioan viết: *“Điều vẫn có ngay từ lúc khởi đầu, đó là Lời sự sống. Lời sự sống đi cùng với Thiên Chúa, lời sự sống là Thiên Chúa. Qua Thiên Chúa vạn vật được làm ra; thiếu Thiên Chúa không có gì được làm ra. Trong Thiên Chúa là sự sống, và sự sống đó là nguồn sáng cho toàn thể nhân loại.”*

Bapak đề xuất „vạn vật“ được nói tới là những gì hạn chế cho cái thế gian này, cho những tri giác của chúng ta về nó, còn tư tưởng thì trở nên vô dụng nếu dùng nó là phương tiện để hiểu sự thật tâm linh. Bapak còn nói rằng

chính trí óc chúng ta khiến cho mình không lĩnh hội hay cảm nhận được sự hiện hữu của Thượng Đế. Trí tuệ là một chức năng của óc não, và như vậy là một thành phần không thể thiếu của cơ thể. Chúng ta chỉ có thể lĩnh hội những gì qua trí óc mình, và điều đó tạo nên một bộ óc làm mờ tối thị giác tâm linh của mình.

Được coi là thủy tổ của triết học hiện đại, triết gia Pháp René Descartes của thế kỉ 17 nói: "Tôi hiện hữu, đó là vì tôi suy tư," và cái quan niệm đó vẫn còn được coi là xác định đặt điểm của một con người. Một trong những người cùng thời với ông, Blaise Pascal, một nhà khoa học, toán học và triết gia đại tài, cũng nói: "Tư tưởng khiến cho con người trở nên vĩ đại." cái quan niệm đó vẫn còn được nhiều người cho là đúng. Định nghĩa của Bapak về trí tuệ có phần trái ngược với cái quan niệm đó, và chỉ có thể hiểu được nếu liên hệ nó với latihan của Subud. Ta sẽ hiểu rõ hơn quan niệm của Bapak, nếu ta nhìn vào lịch sử sự phát triển của trí óc, cùng với cái quá trình hình thành của nó.

Sự tiến hóa của trí óc

Để thích nghi với môi trường của thế gian, các sinh vật đã tiến hóa chậm chạp trong nhiều thế kỉ. Tổ tiên chúng ta đã có thể rút ngắn cái thời gian đó bằng cách phát triển trí óc, bằng cách phát huy và củng cố những năng khiếu thiên phú của mình. Đó là điều mà loài người vẫn còn làm; chúng ta tạo ra kính hiển vi để nhìn thấy những sinh vật vô cùng nhỏ, những kính viễn vọng để thấy được không gian xa xôi, và những bộ phận giả để cho những ai đã mất tay hay chân có thể cử động. Những phát minh đó đòi hỏi một tri kiến xác đáng về những vật liệu trên thế gian. Tổ tiên chúng ta đã làm cho nhạy bén thêm trí óc và những cơ năng của giác quan, để hiểu biết được thế giới vật chất. Những bộ phận giác quan – mắt, mũi, tai, miệng và da thịt – nối kết chúng ta với thế giới bên ngoài. Nhưng trong quá trình huấn luyện trí óc mình để hiểu rõ hơn cái thế gian này, chúng ta có thói quen phủ nhận và không màng tới bất cứ những gì không thể nhìn thấy. Bapak đề xuất trí óc không thể hiểu sự thật tâm linh; chúng ta không thể

nghiệm thấy Thượng Đế, hay vũ trụ tâm linh qua trí óc mình. Bapak nhận thấy latihan là một đặc ân mà Thượng Đế ban cho nhân loại, để cứu thoát chúng ta khỏi cái tình trạng không biết được gì đó.

Ta khó kiểm soát được trí óc mình. Tuy thế, nội tâm mình có một tri giác khiến tránh né được ngũ quan, để trực tiếp nhận được những thông tin từ linh hồn. Cái tri giác của nội tâm đã từng phần nào kiểm soát được trí óc, cái khả năng đó đã suy giảm, và những chức năng của nó đã hao mòn. Trong quá trình của tiến hóa, chúng ta đã triển khai những bộ phận và chức năng của cơ thể cần thiết nhất để cải thiện cuộc sống mình trên cái thế gian này. Những gì kém cần thiết hơn thì bị làm cho yếu kém hay mất hẳn. Thế nên, cái tri giác đó của nội tâm đã dần dần suy đồi vì không còn trở nên hệ trọng nữa.

Trong lịch sử, nhiều người đi tìm đạo đã ý thức được sự cản trở của trí nghĩ cho tri kiến về các sự thật tâm linh. Họ tìm cách giảm đến mức tối thiểu sự can thiệp của trí nghĩ qua thiền định. Một cách cụ thể, điều được thực hiện bằng cách tập trung tư tưởng vào một hình ảnh duy nhất, một chân dung của Đức Phật, một Mạn Đà La, hay tụng niệm những thần chú, để khai trừ tất cả các ý nghĩ.

Tuy nhiên, đó không là một giải pháp thỏa đáng. Dựa vào sức mạnh của ý chí, ta có thể đè nén các ý nghĩ, nhưng cái ý chí đó cũng là ý nghĩ. Chúng ta không có cách nào đạt được mục tiêu đó, ngoài cách dùng tư tưởng. Để hiểu được quan điểm của Bapak về việc trí óc không thể nghiệm được sự thật tâm linh, ta cần phải xem xét kĩ hơn bản thể của trí óc mình.

Bản thể của trí óc

Những chức năng chánh yếu của trí tuệ là tư duy và cảm xúc, với sự hỗ trợ của một số chức năng là chi nhánh. Những cái quan trọng nhất là năng lực của kí ức, và năng lực dùng ngôn ngữ để biểu đạt trạng thái của trí tuệ. Những năng lực đó khiến ta sống chung với nhau trong xã hội, và do đó gây ra văn hóa và văn minh. Dục vọng và ý

chỉ đặt ra cho mình cái hướng phải đi theo, còn tư tưởng và cảm xúc thì tạo cho mình nghị lực cần có để đi theo cái hướng đó. Ngoài ra, tuy không lệ thuộc trí óc, ngũ quan mình hành động như những thân nhân hợp tác với những việc làm của trí óc.

Một đứa bé sơ sinh phải mất 9 tháng để tăng trưởng trong bụng mẹ. Khi chào đời, đứa bé được cung cấp cho tất cả các năng chức của trí óc, nhưng vẫn còn chưa hiểu được nội dung của nó. Đứa bé có thể cầm nắm các đồ vật và bú sữa mẹ; tuy có năng lực của kí ức nhưng nó chưa nhớ được bất cứ gì, và có năng lực của ngôn ngữ nhưng lại chưa biết được một chữ nào. Nó có mắt và tai, nhưng lại không thể nhìn hay nghe thấy gì trong vài ngày đầu sau khi sinh ra. Tuy thế, ngay sau khi bắt đầu hoạt động, ngũ quan nó liền thu thập nội dung của trí óc. Nó bắt đầu nhìn tay chân nó và làm cho chúng cử động. Điều đó khiến nó ý thức được cơ thể mình. Nó bắt đầu biểu lộ cảm xúc mình qua tiếng khóc, những cử động và sắc thái của khuôn mặt.

Tất cả những kiến thức mà nó đạt được và nhớ lại chỉ giới hạn cho cái thế gian này. Khi bắt gặp điều gì mới lạ, nó phán đoán theo bản sinh bằng cách so sánh cái đó với những gì thu thập được của trí óc. Thực ra, lỗi tiếp cận đó tồn tại trong suốt đời mình. Trong 30 năm qua, các công trình nghiên cứu về lỗi phản ứng của một đứa bé đã phát hiện được những năng lực phi thường của một đứa bé sơ sinh, như cái khả năng bắt chước những cử động của miệng và tay bố mẹ nó.

Một tiếng đồng hồ ngay sau khi sinh ra, những đứa bé sơ sinh, những đứa người ta nghĩ là hầu như mù, đã chứng tỏ chúng có thể bắt chước những động thái của khuôn mặt. Cách bắt chước đó khá phức tạp; đứa bé phải quan sát sắc thái của bố mẹ nó, trước khi làm cho những thớ thịt của khuôn mặt mình cử động y như vậy. Hiện nay, chúng ta biết được là nó còn phân biệt được giọng nói của mẹ nó với những giọng nói của những người đàn bà khác, vì nó đã từng nghe thấy những âm thanh và giọng nói của thể giới bên ngoài khi còn là bào thai trong bụng mẹ. Thậm chí, một vài đứa bé có thể nhớ lại những âm thanh thanh đó cho tới lúc 3 hay 4 tuổi.

Ban đầu, các nhà khoa học không thừa nhận những hiện tượng được quan sát đó vì cho đó là tưởng tượng. Tuy nhiên, đối với Bapak, đó thực sự là kí ức, bởi trong lúc còn là bào thai trong bụng mẹ, đứa bé vẫn còn tiếp xúc với thế giới tâm linh thông qua linh hồn nó, nơi từ đó nó nhận được những thông tin. Một đứa bé sơ sinh không thể nhìn hay nghe thấy rõ, nhưng đôi khi nó mỉm cười và biểu lộ một vẻ buồn, như đang khởi động lại những thông tin từ linh hồn.

Khi lớn lên, chúng ta không còn tiếp xúc với linh hồn mình. Những năng khiếu kỳ bí trước lúc 3 hay 4 tuổi không còn tồn tại nữa. Tất cả chúng ta đều quên hẳn thời kì thơ ấu của mình.

Nói chung thì người ta xác định những gì là đúng hay sai, bằng cách so sánh với những gì có trong trí óc họ. Nếu nhận thấy bất cứ gì không thể đo lường, trí óc sẽ không màng tới. Điều đó cũng đúng với những trải nghiệm tâm linh của một đứa bé. Khi nó bắt đầu ý thức được những gì của cái thế gian này, trí óc nó chứa đựng nội dung của những gì từ cái thế gian này, nên nó quên hẳn những trải nghiệm tâm linh của mình.

Cái vũ trụ tâm linh mà Thượng Đế tạo ra là một vũ trụ dưới sự cai quản trực tiếp của Thượng Đế. Tuy nhiên, chúng ta không thể lĩnh hội được thực tại. Chúng ta không có khả năng nhận biết được một thế giới vô cùng tinh tế và công phu hơn thế giới vật chất. Chúng ta chỉ phát triển được một ý thức tuyệt diệu hơn, nếu tri kiến của mình được lọc sạch. Trí óc chỉ lĩnh hội được những gì của cái thế gian này – như trong thuyết lượng tử, theo đó các hạt cơ bản biến thành làn sóng và trở nên vô hình, ngay khi ta tìm cách quan sát.

Nguồn năng lượng của dự vọng cho tư tưởng

Trong lịch sử, trí tuệ và lý trí được coi là những năng khiếu cao siêu – những tư tưởng mà hình thức không bị ảnh hưởng bởi cảm xúc hay tưởng tượng. Tuy nhiên, bởi đó là hình thức của tư tưởng, ta có thể cho đó là những gì độc

lập và khách quan? Không ai có thể dứt khoát cho như vậy là đúng. Thiên hạ thường thay đổi ý kiến tùy theo sự thay đổi của hoàn cảnh. Điều đó khiến phải linh động, nhưng cũng không đáng tin cậy, như trường hợp sự đảo lộn của những tín điều khoa học. Dù có khả năng thích nghi, thiên hạ luôn ngoan cố bám vào những quan niệm của mình, ngay cả khi những hoàn cảnh chung quanh họ đã thay đổi, bởi sự cố định của dục vọng và ý chí họ.

Dục vọng và ý chí chúng ta tạo nghị lực cho tư tưởng. Nền tảng cho điều đó là sự mãnh liệt ham muốn sống. Chúng ta không muốn chết, vì không biết chết là gì. Chúng ta nghĩ rằng chết nghĩa là cơ thể và cái Tôi của mình không còn nữa. Sự ham muốn sống của chúng ta sâu rộng như rễ những thân cây lớn. Do sự ham muốn mãnh liệt đó, vô số những ham muốn khác mọc lên quấn vào nhau như những cành cây. Khi lộ diện, những ham muốn đó mang hình thức của những thúc đẩy chế ngự tất cả những ý nghĩ hay mối lo khác. Ta không thể tránh né cái thực tại đó. Những ham muốn đó là chúng cứ cho cái bản năng sinh tồn ghi khắc vào tâm can mình, kể từ lúc chúng ta được tạo ra trên cái thế gian này. Đối tượng của những ham muốn đó là thị hiếu sống thoải mái, theo đúng tiêu chuẩn của sự giàu sang và mạnh khỏe. Thế nên, thiên hạ nóng lòng đạt được điều đó. Tư tưởng không là chủ của dục vọng, mà là đầy tớ; hậu quả tất nhiên là dục vọng và ý chí sẽ điều khiển những hoạt động của trí óc.

Do đó mà ta không thể tự mình kiểm soát trí óc mình, bởi động lực của trí óc là dục vọng, và như vậy cũng tức là chúng ta không thể kiểm soát dục vọng. Điều này như là ý chí kiểm soát dục vọng, mà chỉ kiểm soát được phần nào – không là tất cả. Thiên hạ nghĩ rằng họ có thể kiểm soát dục vọng nhờ ý chí, nhưng ý chí cũng thuộc trí óc. Sự kiểm soát đó có thể tăng cường một vài phần của trí óc, nhưng như vậy chỉ làm yếu kém thêm những phần khác. Cuối cùng thì vẫn còn nằm dưới sự kiểm soát của trí óc. Chúng ta chỉ hoàn toàn thoát khỏi những hoạt động của trí tuệ khi óc não không còn làm gì nữa, hay khi cơ thể đã chết. Tuy thế, ngay cả khi đó, trí óc được mang tới một thế giới sau cửa tử để tiếp tục tồn tại. Ý chí, tư tưởng và cảm xúc, nội dung của trí óc, không là đồ vật, mà đúng

hơn là những thông tin trong hình thức làn sóng tâm linh.

Tất nhiên, có nhiều khác biệt trong trạng thái của trí óc trước và sau lúc chết. Động lực cho những hoạt động của trí óc, cơ thể không còn tồn tại sau cái chết, và sau khi được đem qua thế giới bên kia, trí óc trở nên cố định trong trạng thái của lúc chết. Bapak cũng nói rằng trí óc bị khóa chặt sau lúc chết, và nội dung nó không thể thu hồi, biến đổi, hay cho thêm vào. Tức là khi được hỏi sau khi chết mình đã làm gì trong đời mình, ta không thể bóp méo các sự kiện, nói dối, hay bào chữa. Không có chỗ trốn tránh trong thế giới tâm linh dưới sự cai quản của Thượng Đế.

Loài người và các thiên thần

Trong cái thế gian này, ta có thể nói dối, lường gạt và lừa đảo, nói một đằng làm một nẻo. Những định luật vật lí và hóa học cai quản vũ trụ là những gì đại diện cho sự cai quản gián tiếp của Thượng Đế, nhưng trong thế giới tâm linh thì là trực tiếp. Trong thế giới vật chất, chỉ cái xác phàm này và những hành vi của nó được thừa nhận là có thật. Bởi núp sau những hành vi đó, nên trí óc không được coi là một thực tại của thế giới vật chất. Ta có thể suy nghiệm như thế nào đi nữa, dối trá như thế nào đi nữa, thì chỉ điều đó thôi không tạo nên một tội ác. Loài người được ban cho tự do; ta được quyền làm bất cứ gì, miễn là điều đó không vi phạm những định luật nói trên. Đó là một tự do làm, ngay cả các thiên thần phải thèm khát. Được tự do đến nỗi ta có thể hành động do một tình thương mà các thiên thần thiếu thốn, hay một cách nhân tâm mà ngay cả ác quỷ cũng phải do dự.

Lí do loài người được tự do như vậy, theo Bapak, là kết quả sự công chính của Thượng Đế. Cả loài người lẫn các thiên thần đều là tạo vật của Thượng Đế, nhưng bởi được làm bằng ánh sáng nên các thiên thần không đau ốm, già yếu, hay phải chết. Cơ thể loài người làm bằng vật chất, nên phải chịu nóng lạnh, dễ đau ốm, trở nên già yếu cho tới khi chết. Điều này có vẻ kém công bằng, nên để cân bằng, loài người được ban cho tự do. Nghĩa là ta có thể dùng ý chí và tư tưởng mình để suy xét cái đúng với

cái sai, và tìm cách đạt được tất cả những gì mình mong muốn. Tuy thế, cái năng lực đó chỉ giới hạn trong sự đeo đuổi những gì của cái thế gian này, nhưng trở nên vô dụng cho sự hiểu biết những sự thật tâm linh.

Quan điểm của Bapak về vị trí chúng ta trong vũ trụ tâm linh

Theo cách nhìn của Bapak, vũ trụ tâm linh bao gồm những sinh lực với 7 cấp độ khác nhau, mỗi cấp độ có một tính chất riêng biệt. Tất cả những cấp độ hay thế giới đó tạo thành một vũ trụ rộng lớn hơn, để tiếp tục tiến hóa thành một sinh lực duy nhất.

Các tầng lớp của cái vũ trụ đó gồm 3 thế giới cấp độ thấp là những thế giới thú vật, thực vật và vật chất; trung tâm là thế giới con người; và 3 thế giới cấp độ cao hơn. Những thế giới đó như sau:

1. Sinh lực vật chất
2. Sinh lực thực vật
3. Sinh lực thú vật
4. Sinh lực thông thường của con người
5. Sinh lực Rohani của con người toàn thiện
6. Sinh lực Rachmani đại diện cho từ bi
7. Sinh lực Rabanni đại diện cho sự sáng tạo

Bao quanh vũ trụ và thẩm nhập vào những tầng lớp đó là 2 sinh lực trực tiếp xuất phát từ quyền năng của Thượng Đế. Hai sinh lực đó được gọi là Roh Ilofi và Roh Kudus. Roh Ilofi, hay Nguồn Đại Lực, là quyền năng sáng tạo của Thượng Đế, nó nhập vào tất cả những gì hiện hữu trong vũ trụ, và tạo ra một lối thông qua giữa những cấp độ không thể qua lại với nhau. Sinh lực thứ hai là Roh Kudus, quyền năng của các thiên thần. Vì là bày tôi của Thượng Đế, nên các thiên thần bao gồm ánh sáng của Thượng Đế, và cái quyền năng đó bao bọc vũ trụ từ bên ngoài. Hai

sinh lực đó gồm những thành tố của ánh sáng.

Biểu tượng Subud tượng trưng cho cái vũ trụ tâm linh đó. Cái vũ trụ với 7 tầng lớp đó được cho thấy là những vòng tròn đồng tâm, theo đó mỗi tầng lớp cao hơn bao bọc tầng lớp dưới nó, và tất cả đều được phân chia bởi 7 tia từ trung tâm đại diện cho Nguồn Đại Lực.

Thế giới con người nằm giữa cái hệ thống cấp bậc đó, với 3 cấp độ bên dưới và 3 cấp độ bên trên. Vị trí đó có nghĩa là chúng ta có thể bị lôi kéo theo bất cứ chiều hướng nào – xuống dưới tới những thế giới thấp hơn, và lên trên tới những thế giới cao hơn. Bảy sinh lực đó như những làn sóng tinh vi hoặc thô sơ, vận động theo ước muốn mỗi cấp độ, và những ước muốn mà ta nghiệm là bằng chứng sự hiện hữu của chúng.

Nguyên nhân cho cái tình cảnh độc đáo đó là khi tạo ra chúng ta, Thượng Đế đã quyết định sẽ điều khiển chúng ta. Nội dung của linh hồn nên là của sinh lực Rohani, cái tượng trưng cho sự toàn thiện và cao hơn cấp độ con người. Đồng thời, cơ thể chúng ta được tạo thành bởi vật liệu cái thế gian này. Theo Thánh Kinh, Thượng Đế đã tạo ra con người từ cát bụi và thổi sự sống vào chúng ta. Nghĩa là cội nguồn và quê hương đích thực của mình không là trần gian, mà là thế giới Rohani. Sau lúc chết, khi cái cơ thể vật chất này không còn nữa, thế giới Rohani trở thành mục tiêu của linh hồn. Tuy nhiên, nếu còn hiện hữu, cái cơ thể vật chất này sẽ còn chứa đựng những sinh lực cấp độ con người và những cấp độ thấp hơn. Những sinh lực có một sự sống tâm linh, vì phục vụ chúng ta bằng cách tạo ra những năng lượng cần có để sống trên cái thế gian này.

Cái khả năng tư duy của con người không là không bị tùy thuộc; những sinh lực bên trong trí óc có thể dùng cái khả năng đó thực hiện những thị hiếu của chúng. Bởi dưới cấp độ con người, nên đối tượng của những sinh lực đó chỉ hạn chế trong những lợi lộc của thế giới vật chất, và không quan hệ với cái thế giới tâm linh bên trên con người. Tuy nhiên, bởi có trong mình nội dung của một sinh lực cao hơn, nên ta có thể nghiệm được một trình tự tư duy cao hơn. Bapak mô tả quan hệ của các sinh lực với những ý nghĩ của chúng ta như của dầu với ngọn lửa của đèn. Dầu

của đèn giống với năng lượng của những sinh lực – sự ham muốn sống của chúng. Nếu chất lượng của dầu tốt, ngọn lửa sẽ sáng cháy. Nếu chất lượng tồi, ngọn lửa trở nên tối mù và âm u.

Chất lượng của „dầu“ tùy thuộc những sinh lực bên trong linh hồn, giai đoạn nào đã đạt thành. Nếu nội dung của linh hồn là một sinh lực cao hơn, những ý nghĩ của mình, như một ngọn lửa sáng ngời, không chỉ soi sáng đường đi cho mình, mà còn cho cả những ai chung quanh mình. Tuy nhiên, nếu nội dung của linh hồn là sinh lực vật chất, những ý nghĩ của mình sẽ như một ngọn lửa tối mù, và lối hành xử của mình sẽ trở nên bất nhân.

Bapak chỉ cho thấy phẩm chất tâm linh của một đứa con không hẳn thuần nhất với của bố mẹ nó, vì điều đó tùy thuộc những dự vọng, ý nghĩ và cảm xúc của bố mẹ trong lúc họ ăn ngủ với nhau. Linh hồn trở thành một bộ chỉ huy, nhưng tự nó cũng là một nơi chứa đựng. Các sinh lực nhập vào linh hồn, khiến nó trở nên sống động để thủ vai một bộ chỉ huy. Cái sinh lực nhập vào đứa bé không được định trước, nhưng tùy thuộc ở tâm trạng bố mẹ nó khi họ giao hợp, ở thái độ họ trong đời sống hằng ngày. Nếu nội dung trạng thái bố mẹ hoàn toàn là vật chất, một linh hồn thắm đầy sinh lực vật chất đang đợi chờ tái sinh tử thế giới bên kia sẽ được kêu gọi để trở thành đứa con. Thế nên, Bapak giải thích, những bố mẹ tính khí cao thượng và nhận thức sâu sắc nhiều khi lại sinh ra những đứa con không giống với mình. Điều giảng giải đó thật bất thường, và có thể khiến thiên hạ khó chấp nhận.

Thị hiếu của các sinh lực và cách chúng biểu lộ

Trong 7 loại sinh lực, những sinh lực vật chất, thực vật và thú vật đặc biệt quan trọng cho chúng ta đó là các thức ăn cho sự sinh tồn của mình, bất chấp cách nấu nướng, bởi đó là những thực thể tâm linh cùng tồn tại với chúng ta, để trợ giúp cho cuộc sống mình. Phần nhiều cơ thể chúng ta là kết quả của sinh lực thực vật, còn sinh lực vật chất và những sinh lực khác là động cơ và nguồn nghị lực cần có cho cuộc đời mình.

Chức năng chánh yếu của trí óc, cái khả năng tư duy, có mối quan hệ sinh lực vật chất, và do đó ta có thể khai thác vật chất và những định luật khoa học của nó. Điều đó khiến chúng ta tạo nên được những vật dụng hữu ích cho cuộc sống, như quần áo, đồ dùng và nhà cửa, hay xây cất những cao ốc, những nhà máy nguyên tử, những phi thuyền không gian.

Bapak nói tới việc chúng ta mắc nợ những sinh lực hạ đẳng đã giúp mình sống trên cái thế gian này, tới việc chúng ta cần phải trả ơn, bằng cách đem chúng trở về nơi chốn thích đáng của chúng, khi chúng ta đến nơi chốn của linh hồn sau lúc chết. Tôi còn nhớ tới một dịp Bapak mô tả cho hội viên những sinh lực hạ đẳng đó. Người nói rằng các sức mạnh hạ đẳng hành động theo đúng thị hiếu cấp độ của mình, và mỗi sinh lực đều có màu sắc riêng biệt của nó. Thị hiếu của sinh lực vật chất có màu sắc bản thể của vật chất, của sinh lực thực vật là màu sắc bản thể của thực vật. Nếu bị ảnh hưởng quá nặng của những thị hiếu đó, ta sẽ có một lẽ lối suy nghĩ và cảm nhận phản ảnh đúng những màu sắc đó. Kết cuộc, ta nghiệm thấy những ý nghĩ tiêu cực và đỗi bại, những cảm xúc mình không thể kiểm soát. Như vậy thì cái khả năng tư duy mà mình tự hào thì không giúp ích cho mình. Tư tưởng không còn là chủ của thị hiếu, vì đã trở thành tôi tớ.

Vật chất thì lạnh lẽo, tự cho mình là trung tâm, hoàn toàn đứng đưng với những gì không hữu ích. Những kẻ bị ảnh hưởng bởi thị hiếu của sinh lực vật chất thường tìm cách giữ lấy mọi thứ cho chính mình; họ muốn giàu có hơn, khôn ngoan hơn, khá hơn bất cứ ai khác. Đặc tính của nó là tham sân si; lòng tham khiến họ không bao giờ thỏa mãn, dù có nhiều tới đâu đi nữa; lòng sân si khiến họ trở nên kiêu ngạo, dễ cáu kỉnh, khi điều họ mong muốn cho chính mình không được đáp ứng, hay bị ngăn cản. Kết cuộc là một tình trạng bất an và ganh đua. Ví như một kẻ cảm thấy lòng kiêu hãnh của mình bị xúc phạm và trở nên bực tức, khi có một đồng nghiệp gặp may mắn, hay được thăng chức sớm hơn mình. Một kẻ như vậy thường không ăn năn hối hận khi hành xử một cách nhẫn tâm và độc ác, coi tha nhân như những đồ vật.

Thị hiếu của sinh lực thực vật là tăng trưởng và bành trướng, không từ khước bất cứ nỗ lực nào để đạt được mục tiêu. Không như vật chất, thực vật có thể có những mối liên hệ qua lại, nhưng không thể di động như thú vật, nên phạm vi hoạt động của nó bị hạn hẹp, chỉ đạt tới những gì có thể đung vào hay cảm nhận được. Thực vật đặt rễ của nó xuống đất và bành trướng lên phía trên để đi tìm ánh mặt trời.

Một kẻ bị ảnh hưởng bởi sinh lực thực vật thì làm việc chăm chỉ, không từ khước bất cứ nỗ lực nào. Làm việc chăm chỉ là một điều đáng đề cao và một đức tính đáng quý cho mọi người. Tuy nhiên, một kẻ dưới ảnh hưởng nặng thị hiếu của sinh lực thực vật có một cái nhìn hạn hẹp, chỉ gắn bó với làng mạc và đất nước mình, nơi sinh trưởng của mình. Tuy cuộc sống mình khó khăn, họ thụ động chấp nhận định mệnh mình, mà chưa từng nghĩ tới việc liều lĩnh vào những gì mới mẻ của thế giới bên ngoài. Nếu có ai muốn cạnh tranh với họ, đe dọa sự phát triển của họ, họ sẽ dùng mọi phương tiện làm cho đối phương thất bại. Vì cấp độ đó gần cấp độ của vật chất, kẻ bị ảnh hưởng của nó có những nét tương tự với sinh lực vật chất nên sẽ tìm cách làm cho đối thủ mình thân bại danh liệt.

Các thú vật có thể tự do đi lang thang, và có một phạm vi sinh hoạt rộng hơn thực vật. Tuy nhiên, chúng phải tìm tòi thức ăn, những thứ như lá cây và quả hạch, săn bắt những con mồi tìm mọi cách trốn thoát. Thế nên, những thú vật như chim chóc thường ham biết những gì mới lạ, và tìm cách sở hữu những gì trông thấy. Chúng thường lập nên những địa giới để bảo vệ tổ ấm và nơi sống mình. Do thú tính, chúng đeo đuổi những con thú khác giới tính, và do đó được thiên phú cho một sự nhiệt tình và tính dai dẳng kiên quyết. Có những con thú là một gia đình hẳn hoi, với con đực, con cái và một đám trẻ. Những con thú đó tỏ tình yêu mến và lòng trung thành với những con thuộc gia đình mình, và điều đó tạo nên một thứ văn hóa của xã hội. Cũng như vậy, sinh lực thú vật khiến chúng ta thích mạo hiểm và có một sự nhẫn nại mà mình cần. Nếu không thì chúng ta không vượt qua những thách thức khắc nghiệt của đời sống. Mặt khác, những kẻ bị thống trị bởi thị hiếu của sinh lực thú vật sẽ không ngần ngại hành động một

cách tàn bạo và độc ác để đạt được mục tiêu mình. Họ có thể không giết người nếu không có lí do, nhưng họ sẽ coi là kẻ thù những ai đe dọa địa giới của họ, và họ sẽ chiến đấu cho tới khi chết. Có những kẻ chỉ ăn chay do tôn giáo hay sức khỏe, vì họ tin rằng giết thú vật là một việc làm tàn bạo. Theo Bapak, cái không khí chung quanh mình và những thảo mộc mà mình ăn cũng đầy nhóc những sinh vật bé li ti, như vi khuẩn và vi-rút. Chúng ta thường xuyên tiêu thụ đời sống thú vật mà không ý thức được.

Để sống sót, ta thường xuyên phải bổ sung cho cơ thể, bằng cách tái lập các tế bào. Do đó mà ta thèm ăn và ăn ngon miệng. Nhưng nhìn từ góc cạnh tâm linh thì đó chỉ là sự biến dưỡng của thể chất. Chúng ta nghĩ rằng trạng thái đói khát chỉ do những hệ lụy hóa học và biến dưỡng, nhưng Bapak giải thích đó là do sự hiện hữu của những sinh lực hạ đẳng nơi mình. Để sống còn trong cơ thể, những sinh lực đó thường xuyên đi tìm những sinh lực tương tự để phối hợp, không khác với cái thị hiếu duyên ái và kết thành vợ chồng của con con người. Khi ta ăn cá, ăn thịt và rau cải, những sinh lực đó sẽ sống còn mà nhập vào nơi mình qua thức ăn, và nếu tìm thấy một đối tác xứng đáng, chúng cảm thấy vui mừng, và do đó khi ăn uống, ta cảm thấy ngon miệng. Nếu chúng không tìm thấy một đối tác đúng hợp, thức ăn sẽ không ngon lành. Cơ thể chúng ta được tạo ra để có những cảm xúc đó, và Bapak nhận xét là bởi thú vật, thực vật và vật chất thuộc những cấp độ khác nhau, chịu những điều kiện khác nhau, nên cách tư duy và cảm xúc của chúng cho thấy cuộc sống chúng hầu như không khác gì cuộc sống của chúng ta. Đa số các nhà khoa học đều hoàn toàn không ưa thích thuyết hình người vì coi đó là lừa bịp. Tuy thế, sự xác nhận của Bapak không là suy đoán, hay tưởng tượng, mà là một sự nhận biết trực tiếp về lẽ lối sinh hoạt của những sinh lực tâm linh.

Vì 3 loại sinh lực đó nhập vào cơ thể mình thông qua thức ăn, nên chúng ta ý thức được hiệu lực của chúng. Tuy thế, sinh lực thông thường của con người làm nhẹ bớt những khía cạnh tiêu cực của 3 loại sinh lực đó, để tạo cho mình một đạo nghĩa. Sinh lực đó chịu nhường nhịn, nếu nhường nhịn là cần thiết, chọn hòa bình và hòa khí qua tranh

luận thay vì chiến đấu. Nó muốn giúp đỡ tha nhân, nhìn nhận sự hiện hữu của Thượng Đế và cố gắng phụng thờ Thượng Đế. Thế nên, đó là một sinh lực hữu ích mà chúng ta cần. Tuy thế, sinh lực đó cũng có những khiếm khuyết. Nó không thể lìa xa tư lợi, và do đó trí tuệ được coi là ưu tiên hơn Thượng Đế. Nên ta bớt tin cậy Thượng Đế, động lực phụng thờ Thượng Đế bớt dần. Ngoài ra, nếu ta làm điều gì không đúng, điều đó sẽ liên lụy tới những ai chung quanh mình, nhưng vì tư lợi ta bất chấp. Coi lối hành xử đó là không đúng thì có vẻ là bất công, bởi tư lợi cần thiết cho sự sống còn trên cái thế gian này. Một thế giới thiếu cái sinh lực đó sẽ không còn là một thế giới của con người, mà là một thế giới tâm linh cấp độ cao hơn của con người.

Những cảnh giới đó liên hệ với nhau, nhưng không tự trị và không thể tự do cùng nhau trao đổi. Bất cứ những gì không có một tính chất y như tính chất của một cảnh giới nào đó sẽ không thể sống còn và tương tác với những gì của cái cảnh giới đó. Nếu tự ép buộc mình vào một cảnh giới khác, thì hậu quả sẽ chỉ khiến mình đau khổ mà mong muốn thoát khỏi cái cảnh giới đó.

Chia thêm thành 7 phần, mỗi cấp độ đều phản chiếu tính chất của những cấp độ khác. Như vậy thì tính chất của những cấp độ cao hay thấp hơn của con người đều chiếu vào cảnh giới của chúng ta. Tiến tới một sinh lực cao hơn là điều tùy thuộc cái cảnh giới chiếu vào cảnh giới mình. Chẳng hạn, nếu linh hồn mình chỉ chứa đựng sinh lực vật chất, và được một cảnh giới cao hơn chiếu vào, thì ta có thể chọn nghề dạy học nhưng cũng muốn trở thành một nhà tu hành. Bapak lấy trường hợp của vua Salomon, một người rất giàu có, để chỉ cho thấy cấp độ vật chất cũng gồm những ngôn sứ và những người tu hành.

Cấp độ của sinh lực Rohani cao hơn một bậc cấp độ của con người thông thường. Con người không thể vào cảnh giới Rohani bởi nỗ lực của chính mình. Chúng ta chỉ có thể được nâng lên cảnh giới Rohani bởi ân huệ và sự trợ giúp của Thượng Đế. Điều đó chỉ có thể xảy ra, nếu chúng ta không còn tư lợi, không còn thích thú cái thế gian này nữa. Trên cái thế gian này, mỗi người đều có một linh hồn, nhưng trong cảnh giới Rohani chỉ có một linh hồn duy

nhất. Thế nên, những cảnh giới vượt qua cấp độ Rohani cũng vượt qua sự hiểu biết của chúng ta; trí óc chúng ta hoàn toàn không thể hình dung được. Linh hồn là một nơi chứa đựng cho sinh lực Rohani. Nói cách khác, cảnh giới Rohani là cội nguồn của linh hồn. Do đó mà sinh lực Rohani được gọi là cảnh giới của „con người toàn thiện“ - sự toàn diện của nhân loại.

Nguồn Đại Lực và hiệu lực của latihan

Roh Ilofi, hay Nguồn Đại Lực, có một ý nghĩa đặc biệt với hội viên Subud, vì latihan xuất phát từ một nguồn lực sáng tạo của Thượng Đế. Bất cứ ai cũng có thể gia nhập Subud và tập latihan sau khi được khai mở.

Latihan ngăn chặn sự hoạt động của trí óc với một quyền lực vượt ngoài của con người. Điều đó như một con ngựa thặng cương, hay một con bò đực mũi gắn vòng để yên lành dắt nó tới chuồng: trạng thái ý thức bị khuất phục nên có thể dẫn dắt trí óc. Một không gian tâm linh được tạo nên cho ý thức khiến nó không bị ảnh hưởng bởi trí óc. Nguồn Đại Lực lộ diện, và khi tiếp xúc với linh hồn, nó tuôn tràn vào cơ thể xuyên qua đó nó có thể bắt đầu thanh lọc toàn bộ cuộc sống mình. Điều này xảy ra do kết quả của latihan, và do đó latihan là một lối tu tập có một không hai. Được gọi là tu tập vì quá trình thanh lọc tiến triển với mỗi latihan, và hội viên có thể suy xét để thay đổi lối sống hằng ngày của mình đúng theo cái quá trình đó. Nhờ thanh lọc, tàn dư của những dục vọng cho năng lượng của trí óc sẽ dần dần được gột rửa. Những tàn dư đó là năng lượng còn sót lại của những ý nghĩ, quan niệm và cảm xúc là những vết nhơ bám vào nội tâm. Các hội viên có thể đo lường sự tiến bộ của latihan dựa trên những kết quả biểu hiện trong đời sống mình.

Quá trình thanh lọc bắt đầu với cơ thể và các giác quan, rồi bành trướng tới những chức năng nội tại của cảm xúc, tư tưởng và ý thức. Tất cả các bộ phận của cơ thể chứa đựng một sức sống tâm linh, nên cơ thể nhận lãnh được một đời sống tâm linh. Sự thanh lọc đó tiếp tục mà không làm hại cho đời sống hằng ngày của mình. Đó không như

một thủ tục phẫu thuật đòi hỏi mình phải vào bệnh viện, mà đúng hơn là việc cho một đơn thuốc để giúp cho cuộc sống hằng ngày của mình. Mục đích của thanh lọc là trừ khử tất cả các nợ nần để chúng ta có thể biến thành một con người đích thực là người, nhưng đó là một quá trình phức tạp đòi hỏi thời gian. Hầu hết mọi lúc, chúng ta không cảm nhận được chân ngã mình, không ý thức được số lượng những dơ bẩn chất đọng bên trong mình, kể cả những sai trái thừa hưởng của bố mẹ và tổ tiên, những gì ghi khắc vào mỗi thành phần của mình. Trong một vài trường hợp, điều đó tạo thành tính khí mình.

Chúng ta chưa có một cảm quan sắc sảo, tinh tế, được thanh lọc, để có thể trực tiếp lĩnh hội sự thật tâm linh. Chúng ta chỉ có thể lĩnh hội những thông tin từ những bộ phận thô thiển của giác quan, những cái làm cho cơ thể cử động. Trong latihan, chúng ta cảm nghiệm sự thật tâm linh qua những động tác của cơ thể, những động tác đó thay đổi theo thời gian. Đó là những gì nói ra hay những cử động không tùy thuộc ý chí, và những cái đó là hàm ý của những sự cố trong thế giới tâm linh. Người ta có thể cười mà không cảm thấy vui sướng, khóc mà không cảm thấy buồn. Thường thường, họ lầm tưởng những động tác đó của cơ thể là chất liệu của latihan. Đằng sau những động tác đó là chất liệu tâm linh của linh hồn trong sự tiếp xúc với Nguồn Đại Lực. Cười mà không cảm thấy vui sướng hiển nhiên là cách linh hồn tỏ sự thích thú trong thế giới tâm linh; đằng sau cái khóc có thể là sự ảm nản của linh hồn vì những tội lỗi đối với Thượng Đế, trong thực tại của thế giới bên kia.

Tuy nhiên, ngay cả những hội viên đã tập latihan được 10 hay 15 năm cũng nhận thấy là khó đạt một cảm quan tinh tế và trong sáng khiến có thể trực tiếp lĩnh hội được những thực tại của thế giới bên kia. Những gì chúng ta thực sự nghiệm được là một sự tĩnh lặng và an vui vì trí óc không còn hoạt động nữa, khiến không còn những lo nghĩ về thế gian. Muốn vượt qua giai đoạn đó để tiến tới giai đoạn tiếp, ta phải kiên nhẫn và hoàn toàn quy thuận Thượng Đế. Mất kiên nhẫn, nhiều người đã quyết định bỏ Subud. Không ai bị ngăn cản làm chuyện đó, vì quyết định của họ được tôn trọng.

Chỉ Bapak mới cảm nhận được những gì xảy ra trong hậu trường của latihan. Bapak là người đầu tiên nghiệm được latihan, một người duy nhất nghiệm được nội dung đầy đủ của latihan. Khi được cho hay nhờ latihan mình được thanh lọc, nhiều người nghĩ rằng những gì bên trong mình đã hoàn toàn sạch sẽ. Chúng ta không cảm nhận được những gì bên trong cơ thể, vì nghĩ rằng chẳng có gì dơ bẩn trong đó, cho tới khi sa thải ra những thứ không dùng mà mình không muốn đựng vào. Chúng ta tẩy trừ những vết nhơ khỏi quần áo, khỏi da thịt mình, nhưng lại không giặt sạch những cảm xúc và ý nghĩ xấu xa của trí óc. Những cái đó tích tụ bên trong mình kể từ lúc chào đời, nhưng vấn đề là chính chúng ta cũng không ý thức được.

Chức năng của Nguồn Đại Lực không tương hợp với hoạt động của trí óc, hai cái đó không thể cùng tồn tại; Nguồn Đại Lực không hiện diện khi trí óc hoạt động. Ngay khi trí óc bắt đầu hoạt động, Nguồn Đại Lực mất đi, và cũng không còn latihan nữa. Đó là thực chất của latihan – như việc những hạt cơ bản tỏ ra là phân tử khi ta quan sát, và tỏ ra là làn sóng khi ta không quan sát. Tương tự, chúng ta cũng có thể nói rằng thế giới vật chất, cấp độ thấp nhất trong vũ trụ, có đặc điểm vừa là một thực thể vật chất, vừa là một thực thể tâm linh. Thế giới tâm linh tức khắc trở thành vật chất nếu trí óc quan sát nó.

Khoa học và đức tin

Chúng ta đã bàn tới những phát minh khoa học của thế kỷ 19, lúc được coi là kỉ nguyên của khoa học. Trong thời kì đó, các lĩnh vực nghiên cứu thế giới thiên nhiên được thể chế hóa để thành các phân khoa của khoa học. Có những tiến bộ nhanh chóng về phẩm cũng như về lượng. Đồng thời, bởi các tri thức càng lúc càng chuyên môn hóa, nên những người bình thường thấy khó mà hiểu được tất cả. Công nghệ tăng cường sự hữu dụng của những phát minh khoa học, khiến phát sinh những môn khoa học ứng dụng. Bị cảm dỗ bởi cái ý nghĩ cho khoa học là thuốc chữa bách bệnh cho tất cả những huyền bí và vấn đề của nhân loại trong một tương lai gần, thiên hạ bắt đầu hoàn toàn tin cậy khoa học. Với sự xuất hiện của thuyết lượng tử trong

thế kỉ 20, ta khó tiên đoán được khoa học sẽ dắt mình tới đâu trong tương lai.

Dù cho khoa học và công nghệ gia tăng nhanh chóng, người ta đã hiểu được rằng mình không thể trông chờ ở cái quan niệm về khoa học là thuốc chữa bách bệnh. Sự kiện những hệ phương pháp đó không thể áp dụng là điều liên quan tới những thuyết của chủ nghĩa duy vật, nhưng đó chỉ là những giả thuyết của triết học. Tuy thế, cái quan niệm đó của chủ nghĩa duy vật đã được coi là một khám phá của khoa học, và đã lan truyền khắp thế giới khiến tạo nên thuyết duy vật khoa học.

Như đã đề cập, tiến sĩ Akira Yoshino, người nhận giải thưởng Nobel về hóa học, nhìn nhận là khoa học chỉ giải thích được 1 hay 2% của thực tại. Điều đó đã không được làm cho mọi người biết, nên thiên hạ đã có quan niệm sai lầm là không có bất cứ gì tồn tại, trừ phi đó là điều được nhìn nhận bởi phương pháp luận của khoa học. Điều đó đã khiến cho trở nên lộn xộn hơn, nên các thuyết duy vật khoa học đã đặt nền tảng. Nên hiểu là tôi không có ý định coi thường những thành tựu của khoa học. Tôi rất quý trọng những tri thức khoa học về cách cái thế giới này hoạt động như thế nào, và tôi muốn dùng những cái đó cho lợi ích của cuộc sống mình. Thế nhưng, chúng ta không thể không quan tâm tới những thiếu sót của khoa học. Các phương pháp luận của khoa học hiện đại đã làm suy yếu một hiểu biết toàn diện về sự sống, và những hiểu lầm đó đã xúc tiến những ảnh hưởng không tốt đẹp cho nhân loại.

Khi cuộc thí nghiệm dùng hai kẻ hở được thực hiện, những kết quả khiến ngạc nhiên đã xảy ra; cuộc thí nghiệm được làm lại nhiều lần, trước khi các nhà khoa học nhìn nhận đó là sự thật. Trí tuệ là một chức năng của óc não, nhưng cái chức năng đó được triển khai để tập trung vào thế giới vật chất. Để thực hiện vai trò mình một cách hiệu nghiệm với tối thiểu nỗ lực, trí tuệ đã trở nên mù quáng, không nhận thấy sự hiện hữu của tất cả những gì không là của cái thế gian này. Vì vậy, trí tuệ có một khả năng nổi bật là những cái của thế giới vật chất, hiểu được những cơ chế của vật chất, nhưng lại trở nên vô dụng trong sự lĩnh hội

những sự thật tâm linh, vì nó như bị bịt mắt, hay đeo kính râm trong bóng tối. Ta không thể lấy ra những kính râm đó như những kính thông thường. Đó là những kính không thể thiếu cho óc não, và chúng ta cũng không thể bỏ nó ra trong lúc ngủ. Điều này hợp với sự xác nhận của Bapak là trí óc đã dần dần hạn hẹp tiêu điểm của nó, khiến chỉ có thể tập trung vào những cái của thế giới vật chất.

THẾ GIAN, THẾ GIỚI BÊN KIA VÀ RANH GIỚI CỦA SỰ CHẾT

Những quy luật mới cho cách sống

Khoa học đã cho biết trái đất đi vào quỹ đạo của mặt trời, vật chất và năng lượng đen tối là có thật. Điều đó chứng tỏ cái thế giới vật chất mà chúng ta quen biết chỉ là một phần rất nhỏ của vũ trụ. Trước khi có những phát minh khoa học, Đức Ki Tô là người đầu tiên đã nêu ra việc vũ trụ thật mênh mông, việc kích thước thế giới của thiên đàng (nước của Thiên Chúa) khác hẳn của thế giới vật chất, và đó là nơi cư ngụ cuối cùng của mình. Đức Ki Tô cũng thuyết giảng là thiên đàng thật gần cận, và con người phải ăn năn hối lỗi mình. Cho tới lúc đó, người ta biết là có thiên đàng nhưng chỉ coi đó là nơi chốn các thần linh, không liên quan gì tới loài người. Tuy tin linh hồn vẫn còn sống sau cái chết của thể xác nhưng họ lại nghĩ rằng hồn người chết vẫn còn nơi trần gian, dù xác chết dưới lòng đất, hay trong rừng cây, trên núi hay ngoài biển. Tuy cho người ta hay thiên đàng là một nơi chốn tuyệt vời đáng đánh đổi, nhưng Đức Ki Tô lại không cho biết rõ về cảnh huống của nó, mà chỉ dùng những truyện ngụ ngôn để

giảng giải chi tiết về những điều kiện nào khiến vào đó được.

Chẳng hạn như điều dưới đây mô tả trong Phúc Âm Mát-Thêu, khi Giê-Su trả lời điều được hỏi là ta bị ô uế bởi những gì mình ăn:

Anh em không hiểu rằng bất cứ cái gì vào miệng thì xuống bụng, rồi bị thải ra ngoài sao?¹⁸ Còn những cái gì từ miệng xuất ra, là phát xuất từ lòng, chính những cái ấy mới làm cho con người ra ô uế.¹⁹ Vì từ lòng phát xuất những ý định gian tà, những tội giết người, ngoại tình, tà dâm, trộm cắp, làm chứng gian và vu khống.²⁰ Đó mới là những cái làm cho con người ra ô uế; còn ăn mà không rửa tay thì không làm cho con người ra ô uế."

Những lời nói đó của Giê-Su hàm ý điều làm ô nhiễm chân ngã mình là những cảm xúc đồi bại mà trí óc tạo ra. Điều đó hợp với quan niệm của Subud về chức năng của latihan mà nhờ đó chúng ta được thanh lọc khỏi những ô uế đó - những vết nhơ chồng chất nơi mình kể từ lúc chào đời mà mình không ý thức được. Latihan dạy cho chúng ta biết được những cái đó là do đâu. Đó là những gì chúng ta thừa hưởng của bố mẹ và tổ tiên mình, cùng với những gì không thể thiếu của nhân cách mình.

Giê-Su còn cho biết thêm những quy định mới khác cho ta vào thiên đàng: „Anh em đừng tưởng Thầy đến để bãi bỏ Luật Mô-sê hoặc lời các ngôn sứ. Thầy đến không phải là để bãi bỏ, nhưng là để kiện toàn”.

Giê-Su nối kết con người và trần gian với thiên đàng, bằng cách khuếch trương mục đích và tiềm năng cuộc sống chúng ta. Giê-Su yêu cầu thiên hạ thi hành đạo lí trong lúc sống trên thế gian, khiến mình có thể vào thiên đàng sau lúc chết. Điều đó tạo nên một tiêu chuẩn hành xử mới mẻ cho con người.

Một vài thí dụ về điều là Bài Giảng Trên Núi trong Mát-Thêu và những thuyết giảng sau đó.

Mọi người đều nghe nói tới câu „Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó, vì Nước Trời là của họ”.

Giê-Su còn nói thêm:

Anh em đã nghe Luật dạy người xưa rằng: Chớ giết người; ai giết người, thì đáng bị đưa ra toà.22 Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: Ai giận anh em mình, thì đáng bị đưa ra toà. Ai mắng anh em mình là đồ ngốc, thì đáng bị đưa ra trước Thượng Hội Đồng. Còn ai chửi anh em mình là quân phản đạo, thì đáng bị lửa hoả ngục thiêu đốt.

Điều đó như là Giê-Su nói rằng những huấn lệnh mới đó và những hình phạt kèm theo đã biến thành luật lệ, dù trên thế gian này ta không thể đưa ai đó vào địa ngục. Giê-Su còn nói rằng có lẽ do những huấn lệnh đó thì đó là chìa khóa vào thiên đàng, và như vậy thì phải tuân hành trong lúc còn sống trên thế gian. Đợi khi chết mới thi hành là quá muộn. Những huấn lệnh đó là cho cuộc sống nơi đây cũng như nơi bên kia sau khi chết.

Giê-Su cũng nói rằng luật lệ của quốc gia sẽ được hoàn thiện, nếu có thêm những quy định mới mẻ đó. Những quy định đó không là nỗ lực điều chỉnh những hành vi của con người trên thế gian, mà là cho trí óc. Cái quan niệm kiểm chế những dục vọng quay cuồng trong trí óc là một đạo lí mới mẻ cho nhân loại. Sự khác biệt cốt yếu giữa chúng ta và loài thú không là xác thịt và chức năng, mà là tâm linh và cách hoạt động của tư tưởng và cảm xúc mình.

Cái Nhìn của Bapak về Thiên Đàng

Như Giê-Su đã không cho biết rõ về trạng thái của thiên đàng, Bapak cũng nói rất ít về những kích thước cao hơn vượt ra ngoài thế giới của con người – đó là những gì ngoài sức tưởng tượng của mình. Quả thực Bapak đã từng nhận xét tất cả những gì có trên cái thế gian này thì cũng có tại thế giới bên kia, nhưng sự hiện hữu của đôi bên khác nhau rất nhiều. Có một sự phân cách giữa thế giới vật chất và thế giới bên kia mình sẽ di trú tới sau lúc chết. Do đó mà chúng ta không biết được tình cảnh của cái thế giới đó và tại sao cái chết lại chứa đầy bí ẩn.

Bapak nói rằng thiên hạ nên phần đầu cho vào được thế

giới Rohani, một nơi cao hơn thế giới con người một bậc. Như đã thấy, thế giới con người là trung tâm trong cơ cấu của vũ trụ, còn cơ thể của mình là vật chất. Bapak minh giải điều này là ý Thượng Đế: tuy nội dung linh hồn là sinh lực Rohani, nhưng chúng ta phải sống trong một thế giới vật chất, và khi chết, ta sẽ trở về thế giới Rohani và đem theo những kiến thức và kinh nghiệm đã có. Đó là chủ đích của đời người, Bapak khẳng định.

Tôi chưa từng thấy bất cứ ai đã minh giải như vậy về chủ đích của đời người, và đương nhiên là có nhiều người thấy điều đó khó chấp nhận. Tuy nhiên, như vậy thì cũng khiến ta thấy được lí do sự hiện hữu của mình trong vũ trụ. Ta cũng có được một hiểu biết mới mẻ về cái thế giới bên kia. Nội dung của linh hồn là sinh lực Rohani, và những kiến thức và kinh nghiệm đạt được lúc còn sống trên thế gian này trong một thời kì ấn định là một nguồn thông tin đáng tin cậy, đúng hơn là một cảm nghiệm thay vì một sự quan sát. Trong thế giới Rohani, trong đó không thể có một sự tương tác với những thế giới khác, thì đó là một vốn rất quý.

Trong tự truyện của mình, Bapak nói tới một chứng nghiệm vượt ra ngoài sự phân cách giữa sống và chết:

Một đêm nọ, trong lúc tôi đang trong trạng thái latihan, chợt nhiên hiện ra trước mắt tôi một đại dương mênh mông với những đợt sóng rất lớn. Ngay phía trước mình, tôi trông thấy một đập nước với một cửa cống chĩa vào miệng tôi. Ngay lúc đó, tôi di chuyển tới phía trước, cửa cống mở ra, nước biển tràn vào miệng tôi. Tới một lúc nào đó, đại dương mênh mông biến mất, tôi phát ra một tiếng ợ - một dấu hiệu của sự đầy bụng.

Tới đó, Bapak không minh giải gì thêm là cái chứng nghiệm đó có ý nghĩa gì. Một lúc sau, Bapak nói:

Thực ra, tôi có nhiều chứng nghiệm như vậy, nhưng tôi không cảm thấy cần phải minh giải tất cả nơi đây, bởi như vậy thì sẽ chỉ khiến cho các con cháu mình thấy chán vì phải đọc. Tôi chỉ thuật lại những gì mình cảm thấy là hệ trọng và bất thường.

Thực ra, đó là một chứng nghiệm quan trọng và bất thường. Theo những xác nhận khác của Bapak, chúng ta biết được đại dương đó tượng trưng cho bức tường của sự chết phân cách cái thế gian này với thế giới bên kia. Sự chết biểu lộ là đại dương chứng tỏ tầm rộng của khoảng cách giữa cái thế gian này và thế giới bên kia. Tiếp theo cái chứng nghiệm uống nước biển là một chứng nghiệm khác mà Bapak thuật lại.

Trong trường hợp đó, một cuốn sách chọt rớt vào trong lồng ngực Bapak. Đó là một cuốn sách dày như một cuốn từ điển, nhưng tất cả các trang sách đều trống trơn. Hình như nếu Bapak có một câu hỏi cho cuốn sách kỳ quái đó, thì câu trả lời hiện ra với những chữ viết trên một trang giấy; nếu không có câu hỏi nào, các trang giấy trở nên trống trơn. Kết cuộc, cuốn sách biến mất vào trong ngực Bapak. Sau cái chứng nghiệm đó, bất cứ lúc nào cần biết điều gì, Bapak tự đặt một câu hỏi, thì lập tức nhận được một câu trả lời trong nội tâm.

Điều đó khác với những trải nghiệm theo đó những sự thật hay biến cố trong thế giới tâm linh được nhận thấy là biểu tượng của cái thế gian này, để chúng ta có thể hiểu. Đôi khi, những biến cố trong thế giới tâm linh là sự phản chiếu của thế giới vật chất, nhưng có khi cũng không là sự thật trong đó. Có khi, phải mất một thời gian thì mới biểu hiện trên thế gian. Chẳng hạn, Bapak có thể nhìn thấu vào tương lai, khiến biết được sẽ xảy ra một cuộc chiến lớn – khiến sau đó, Indonesia, hồi đó dưới sự chiếm đóng của Hà Lan, sẽ được độc lập và tiếp theo là Bapak sẽ du hành khắp thế giới. Phải mất hơn hai thập niên những biến cố đó mới thành sự thật. Trong thời kì đó, Bapak quả thực đã biết được có được như vậy hay không, hoặc khi nào điều đó sẽ xảy ra, và tại sao nó khiến cho mình có thể đi khắp thế giới.

Sự trì hoãn đó có thể là do điều tiên tri đó không đúng, hay do những biến cố trong đó đôi bên không như nhau, cách biểu lộ thì khác nhau. Biến cố trong thế giới bên kia có chiếu vào thế giới chúng ta hay không là điều tùy thuộc những hoàn cảnh và địa điểm tại cái thế gian này trong lúc đó. Cái thế gian này và thế giới bên kia tồn tại bên

cạnh nhau nhưng không tùy thuộc nhau, và nếu điều gì xảy ra trên cái thế gian này, thì nó phải đáp ứng những điều kiện của nơi đây. Những người thường không thể đi vào thế giới bên kia, trừ phi họ vượt qua đại dương của sự chết. Chúng ta không tiếp xúc được với thế giới bên kia, và không có cách nào nhận được những thông tin từ đó. Trí óc chúng ta được phác họa để chỉ hiểu được những gì trên cái thế gian này. Chúng ta được cấu tạo khiến cho trí óc mình không tập trung vào bất cứ gì ngoài cái thế giới mình sống trên đó.

Latihan là một ân phước Thượng Đế ban cho mình, để chúng ta có thể ngăn chặn hoạt động của trí óc, và tiếp xúc được với thế giới tâm linh mà không có sự xen vào của trí óc. Trong latihan ta khó suy nghĩ và cảm xúc được, bởi đó là lúc tiếp xúc với thế giới tâm linh. Trong trạng thái đó, trí óc đã không được khiến cho đi ngủ, mà chỉ là được tạm thời gạt bỏ, nên bất cứ lúc nào, ta lại có thể chú ý tới những hoạt động của trí óc. Như vậy thì sẽ không còn latihan nữa, và ta sẽ lấy lại được tình trạng bình thường của mình.

Cái chứng nghiệm trong đó Bapak uống nước biển và cuốn sách kỳ bí giải đáp những câu hỏi của Bapak trong đời sống là những điều đi ra ngoài cái thông thường. Điều xảy ra lúc đó là trong nội tâm Bapak ranh giới của sự chết đã được vượt qua, để nối kết cái thế gian này với thế giới bên kia, như với lân bang, khiến cho ý Thượng Đế được trực tiếp thực hiện trên thế gian.

Bất chấp những giới hạn của thế gian, đó là một phép mầu. Bapak nói việc những câu hỏi được trả lời ra sao trên trang sách, nghĩa là Bapak nhận được những giải đáp trong nội tâm. Điều xảy ra tại thế giới bên kia trở thành sự thật trên thế gian qua cái chứng nghiệm đó của Bapak.

Phép mầu là gì?

Cho tới khi Bapak đến nước Anh trong năm 1957, Subud hoàn toàn không có ai biết tới ở Tây phương. Không ai đã nghe nói tới nó, và bởi là người Indonesia nên Bapak

thường bị hiểu lầm, hay bị đối xử với thành kiến. Tuy thế, điều bất ngờ là sự lành bệnh khỏi ung thư buồng trứng của một tài tử điện ảnh, một người Anh gốc Hungary. Gia nhập Subud, cô đã có thể sinh đẻ, và tin đó lan truyền khắp nơi. Qua một vài liên hệ bất ngờ với nhóm Gurdjieff, tin đó lan tràn phổ biến khắp nước Anh và những nước khác ở Âu Châu. Điều đó thực sự là một phép màu theo ý Thượng Đế, bởi hơn 2 hay 3 năm, Subud nhanh chóng phát triển trong hơn chục quốc gia và lan truyền tới tất cả ngũ châu.

Theo tôi, điều đó tương tự với việc Giê-Su thực hiện những phép màu mô tả trong Thánh Kinh. Theo Thánh Kinh, Giê-Su đã đi trên mặt nước, tức khắc chữa lành bệnh cho nhiều người mắc những bệnh nan y, làm sống lại một môn đồ đã chết, và thỏa mãn cơn đói của hàng ngàn người với một vài ổ bánh mì. Cuối cùng, Giê-Su bị án tử hình, nhưng 3 ngày sau đó đã trở về từ cõi chết để hiện ra trước mặt các môn đồ.

Không biến cố nào trong đó có thể được giải thích bởi khoa học, và các nhà khoa học đều coi đó là huyền thoại tôn giáo. Tuy nhiên, như Giê-Su đã nghĩ, nếu thể gian này và thế giới tâm linh chỉ là một, thì những phép màu như vậy không là dị thường. Nếu không có sự phân biệt bên này với bên kia, sự thật của thế giới tâm linh trở thành sự thật của thế gian, và nếu một cư dân của thiên đàng hạ trần để làm cho thiên hạ sống trên thiên đàng, thì quan hệ của thiên đàng và trần gian hiển hiện trong lối sống của người đó. Ý Thượng Đế trên thiên đàng trở thành ý Thượng Đế trên trần gian vì được biểu lộ qua những gì Thượng Đế làm.

Đó cũng là trường hợp của một vài người, tuy không được siêu việt như Giê-Su, khi họ nghiệm được một phép màu, hay điều gì gần như một phép màu. Điều đó vượt ngoài tầm hiểu biết của tôi, nhưng theo tôi đoán thì lúc đó trí óc của họ không còn chứa đầy những chuyện của thế gian, và họ cũng không còn thấy nó đáng thích thú. Thích thú thế gian là một vốn quý làm phong phú trí óc, và bỏ đi cái vốn đó làm cho trí óc trở nên nghèo nàn. Điều này là một biểu tượng, khi Đức Mẹ chỉ hiện ra cho trẻ em ở Lourdes

và những nơi khác. Giê-Su đã nói chúng ta không thể vào thiên đàng, nếu không trở thành một đứa bé, và ta không thể phục vụ phú quý cùng với Thượng Đế; một con lạc đà đi qua một lỗ kim còn dễ hơn một kẻ giàu có đi vào thiên đàng. Trí óc mình phong phú hay nghèo nàn là tùy thuộc nó có chứa đầy những ý nghĩ và kiến thức của thế gian này hay không; trí óc một người lớn có đầy những thứ đó, nhưng trí óc của những đứa bé sơ sinh thì không. Trí óc chúng có thể hoạt động, nhưng chưa có nội dung, vì còn nghèo nàn. Từ lúc sinh ra, đứa bé bắt đầu tích lũy kiến thức của thế gian này, nội dung trí óc nó gia tăng dần dần khi nó lớn lên. Việc làm giàu thêm kiến thức thế gian trở thành vốn quý (sự giàu có) của trí óc. Đứa bé thành người lớn, và hậu quả là nó mất đi sự liên lạc với linh hồn. Đây có lẽ là điều Giê-Su muốn nói tới.

Như đã đề cập, tôi nghĩ phép màu xảy ra cho những người lớn không còn thích thú thế gian, mà chỉ chú tâm tới chính mình. Điều đó làm cho trí óc trở nên nghèo nàn, khiến họ đến gần được thiên đàng, và đặt họ trong một tình trạng trong đó rất có thể xảy ra những phép màu. Có một điều khác về latihan và cái tình trạng đó mà tôi muốn nói thêm ở đây. Trong latihan của Subud, hoạt động của trí óc bị ngăn chặn, khiến tạo nên một không gian trong đó trí óc trở nên trống rỗng – nội dung nó trở nên nghèo nàn.

Trí óc ngưng hoạt động, nhưng ngay khi nó hoạt động lại, thì sẽ không còn latihan nữa. Đó là trường hợp của hầu hết các hội viên Subud. Tuy nhiên, với Bapak thì không thế: hoạt động của latihan thích ứng với hoạt động của trí óc Bapak. Đó là một trạng thái mà latihan tiếp diễn trong lúc Bapak là một thường nhân như mọi người, dùng trí óc để suy nghĩ và tìm can để cảm xúc. Ai đạt được trạng thái đó sẽ luôn được Thượng Đế che chở và hướng dẫn, dù họ dùng trí óc để đáp ứng như thường những nhu cầu thế gian. Điều đó họ sẽ tự cảm nhận được. Bapak nói đùa là nó như việc ta nói „Thượng Đế! Thượng Đế!“ trong lúc đếm tiền, lúc vẫn còn latihan trong tâm hồn.

Bapak cũng nói rằng latihan là hakekat – một cách nghiệm được thực tại tâm linh. Giai đoạn cuối cùng trong đó có sự quân bình giữa latihan và hoạt động của trí óc, là marifat,

mục tiêu tối thượng của một người Subud. Marifat không dễ gì đạt được. Đó có thể là một lí tưởng xa vời, ngay cả với những ai đã suốt đời tập latihan. Do đó người ta nói tập latihan thì dễ, nhưng đạt tới giai đoạn đó thì khó. Vì là một hội viên đã được dịp gần cận Bapak, tôi có thể làm chứng cho thực tại của Marifat qua chứng nghiệm của Bapak. Bapak cũng nói rằng Marifat là trạng thái của các thiên sứ, và mục tiêu của Subud là giúp cho sự trưởng thành của những người với trạng thái đó. Nhưng đề tài này vượt ngoài sự hiểu biết của chúng ta, nên tôi không bàn luận gì thêm.

Chứng nghiệm Thăng Thiên của Bapak

Như đã đề cập, Bapak cho biết vũ trụ gồm 7 sinh lực khác nhau là những thực thể tự trị, không lệ thuộc nhau. Những sinh lực đó không thể tương tác, hay cái này được quyền sử dụng cái kia. Để đền bù cho điều đó, Nguồn Đại Lực tạo một lối thông xuyên độ sâu của tất cả các sinh lực, để mỗi sinh lực có thể tiến lên một cấp độ kế tiếp cao hơn. Điều đó như một thang máy lên thiên đàng.

Loài người có một địa vị đặc biệt trong vũ trụ. Linh hồn chúng ta có một nội dung cao hơn sinh lực con người, và đó là cái đại diện cho chân ngã, nhưng cơ thể chúng ta thì được tạo bởi vật chất, để có thể sống trong một thế giới vật chất là trái đất. Con người có thể cùng tồn tại với những sinh lực vật chất, thực vật và thú vật trên thế gian, và ý thức được trạng thái của chúng. Tuy nhiên, chúng ta không thể vào những cảnh giới cao hơn, vì không thể biết gì về chúng. Thế nên, chứng nghiệm thăng thiên của Bapak có ý nghĩa với chúng ta, và là một di sản quý báu không thể bỏ quên.

Bapak ngăn ngại thuật lại cái chứng nghiệm đó trong tự truyện của mình. Bapak nói mình chỉ mô tả những gì chính mình đã chứng nghiệm, và do đó là một nguồn thông tin quý báu cho chúng ta. Dưới đây tôi tóm lược những khía cạnh quan trọng nhất của chuyện đó.

Khi còn nhỏ, Bapak có một giấc mơ lạ lùng trong đó mình

được một người đàn ông mặc đồ đen cho hay khi 23 tuổi thì sẽ được Thượng Đế kêu gọi. Bapak nghĩ được Thượng Đế kêu gọi nghĩa là chết. Thực ra, khi Bapak 23 tuổi, điều thực sự xảy ra không là chết, mà là một sự kêu gọi lên thiên đàng của Thượng Đế. Trong chúng nghiệm thăng thiên, Bapak ra khỏi trái đất và thái dương hệ, để vượt ra ngoài vũ trụ của thiên hà. Bapak đi xuyên qua 7 tầng trời hình nón, cho tới khi đạt tới tầng trời thứ 7 là nơi cao nhất.

Điều thứ nhất Bapak nghiệm được là cơ thể mình bành trướng cho tới khi nó bao bọc toàn thể trái đất. Sự bành trướng đó biến thành nhiều mảnh, và Bapak được phóng vào chân không với một siêu vận tốc. Bapak đi xuyên qua mặt trời để ra ngoài thái dương hệ. Bapak nói đó không là đi vào quỹ đạo của mặt trời để đi ra ngoài đó, mà là đi xuyên qua một đường hầm để tới một thế giới bên ngoài. Tuy Bapak không nói gì rõ hơn, nhưng ta có thể giả định đường hầm trong mặt trời là một lối thông tạo ra bởi Nguồn Đại Lực. Có điều kỳ quặc là khi đi xuyên qua mặt trời, Bapak hoàn toàn không cảm thấy sức nóng và ánh chói của nó. Trước khi Bapak hay biết được bất cứ gì, cơ thể mình đã biến thành một ánh sáng y như của mặt trời.

Như đã đề cập, mỗi cấp độ của vũ trụ là một thực thể sống động với những điều kiện của riêng nó, do sự tạo ra của một sinh lực khác. Để có thể đi vào bất cứ cấp độ, hay thế giới nào, ta phải có một cơ thể đáp ứng những điều kiện của cái thế giới đó. Trong trường hợp của Bapak, sự biến đổi tự động xảy ra. Khi ra khỏi thái dương hệ, Bapak có thể nhìn thấy tại một nơi xa xôi có những gì lóng lánh như ngọc thạch. Khi hỏi đó là gì, Bapak được cho hay đó là cái vũ trụ của thiên hà mà mình vừa rời khỏi. Khi bay với một vận tốc càng lúc càng gia tăng, Bapak có thể trông thấy nơi cuối của chân không 7 vật hình nón chồng chất lên nhau. Đó là thiên đàng gồm 7 tầng. Khi vào vật hình nón thứ nhất, Bapak thấy mình trong một không gian kỳ bí mà bên trong có vẻ lớn hơn bên ngoài. Bapak dần dần lên từ nơi dưới cùng lên những tầng cao hơn, qua một lối thông nối kết tất cả 7 vật nón. Bapak cảm thấy mình bắt đầu mất sức. Khi lên tới vật hình nón thứ 7, Bapak thấy mình không còn chút sức lực nào, mà chỉ có thể tụng niệm „Allah! Allah! Allah!“ Không gian của vật hình nón

đó không có phương hướng và mục đích. Tuy thế, Bapak có thể nhìn thấy rõ những gì từ một nơi xa, như đang có trước mắt mình. Chẳng hạn, Bapak có thể nhìn thấy rõ đứa con trai đầu lòng mình đang ngủ trên giường trong nhà nơi phía bên kia của vũ trụ.

Qua chứng nghiệm thăng thiên, Bapak có thể xác nhận thực tại của vũ trụ tâm linh với chính cặp mắt mình.

Thế Giới Bên Kia là một Thế Giới như thế nào?

Sự chết là một kỳ bí khó hiểu nhất của chúng ta. Chết là nòng cốt cho chúng ta hiểu được thế nào là một con người. Sống và chết là hai phương diện của một toàn thể. Nếu hiểu được sống là gì và có nghĩa gì, chúng ta có thể hiểu được chết là gì và những gì xảy ra lúc chết. Bởi không có giải đáp nên khoa học không biết được mục đích căn bản của đời người, và do đó không đề cập tới vấn đề đó.

Khoa học không thể xác định lúc nào ta chết. Tất nhiên, khi có người chết, một y sĩ phải công bố cái chết đó, và đó là điều khiến người ta tranh luận nhiều về định nghĩa của nó. Định nghĩa khái quát là không còn hơi thở và các con người giãn nở. Tuy nhiên, với sự cấy ghép các bộ phận, người ta nhận thấy như vậy không đủ để công bố cái chết, nên không còn ai dùng cái định nghĩa thông thường đó nữa. Hiện nay, lí thuyết được nhiều người chấp nhận là xác định thời điểm óc não chết. Có hàng trăm triệu tế bào trong óc não, và khoa học không thể cho biết tế bào nào là không còn hoạt động, hay hoạt động tới một thời điểm nào đó. Dù định nghĩa cái chết là lúc tất cả các tế bào của óc não không còn hoạt động, người ta không thể xác định lúc nào điều đó xảy ra.

Cái chết có một tầm quan trọng với cuộc sống chúng ta. Tất cả chúng ta tới một ngày nào đó sẽ chết; sống lâu nhất là khoảng 120 tuổi. Tất cả chúng ta đều muốn hiểu điều gì sẽ xảy ra khi mình chết. Ta sẽ đau đớn? Có sự sống sau lúc chết? Một bức tường dày cách biệt chúng ta với cái chết, và một khi chết, chúng ta không thể trở về cái thế gian này. Chưa từng có ai đã trở về để cho chúng ta hay

về trạng thái của cái chết, hay cuộc sống tại thế giới bên kia, và chúng ta cũng không hy vọng là điều đó sẽ xảy ra. Do đó mà thiên hạ sợ chết. Cái chết là một bóng tối vô định. Chúng ta muốn thoát khỏi cái nơi chốn vô định đó, nơi những kinh nghiệm của mình trên cái thế gian này chẳng giúp được gì. Chúng ta sống cuộc đời mình bằng cách tránh bàn về cái chết, và tìm mọi cách để đừng nghĩ tới nó, hay ngay cả không để cho nó nhập vào ý thức mình.

Đối với những kẻ duy vật trung kiên, chết là một vấn đề không có gì phải bàn luận: cái xác phàm này sẽ phân hủy, biến thành những thành tố hóa học, để trở về với cát bụi, hay lơ lửng trong không trung. Thuyết duy vật phủ nhận sự hiện hữu của Thượng Đế, của tinh thần và linh hồn, cũng như những trải nghiệm tâm linh và tôn giáo, vì coi đó là trò bịp bợm. Với những kẻ duy vật, cái xác phàm này mà chết thì cũng sẽ không còn ý thức. Tất cả những gì còn lại chỉ tưởng tượng của óc não. Bởi thuyết duy vật được hỗ trợ bởi khoa học, nên nhiều người hiện nay ủng hộ lối tư duy đó. Tuy nhiên, mới đây, có nhiều người đã có một lối nhìn khác. Bên Nhật chẳng hạn, hình như càng lúc càng có nhiều người đến viếng các lăng mộ lúc Tết Nguyên Đán, hay mộ các thân nhân ngày giỗ. Những lễ lạc tôn giáo mỗi năm càng lúc càng được ưa chuộng hơn. Những người đó tin rằng linh hồn tiếp tục sống sau cái chết của cơ thể. Họ không nghi ngờ là ý thức, tư tưởng và cảm xúc của bản ngã sẽ không tồn tại tại thế giới bên kia. Tư tưởng và cảm xúc không là vật chất rắn chắc, nên khoa học không thể chứng minh là không có những cái đó.

Theo cách nhìn của Bapak, vì không là vật chất, nên tư tưởng và cảm xúc sẽ mang qua thế giới bên kia sau cái chết của cái xác phàm này. Nhưng bởi không còn cơ thể nữa nên những gì cung cấp năng lượng cho tư tưởng và cảm xúc không còn có thể sinh hoạt. Cái tồn tại chỉ là những gì tạo ra ngay lúc trước khi chết, và những cái đó không thể được bồi bổ, hay cho thêm vào một nội dung mới. Thế nên, nhiều người tin rằng ta không thể nói dối khi bị tra hỏi tại thế giới bên kia. Điều đó cũng khiến cho người ta tin rằng có những người chết nghĩ rằng họ chưa chết nhưng vẫn còn những ý nghĩ và tâm trạng của lúc

trước khi vừa chết. Để thay đổi cảnh trạng đó, chúng ta phải thay đổi cái cơ thể phàm tục hoạt động trên thế gian này với một cơ thể tâm linh nhận thức được thế giới bên kia. Thần học và thuyết duy linh đã nêu ra việc ban đầu chúng ta không được cấp cho những cơ thể tâm linh, mà phải tạo ra qua lối sống chân chính trên cái thế gian này. Đó là một quan điểm mới mẻ mà Bapak đem đến cho thế giới.

Viện Toán Học Thống Kê, một tổ chức ngoại vi của Bộ Giáo Dục Nhật Bản (Văn Hóa, Thể Thao, Khoa Học, Công Nghệ), mỗi năm đã có những cuộc nghiên cứu cùng với những quốc gia khác về nhận thức của thiên hạ. Kết quả cho thấy tuy ngờ vực tôn giáo, nhiều người Nhật, như những người tại những quốc gia khác, lại đặc biệt chú ý tới luân hồi. Bởi không thể trực tiếp biết có hay không có một cuộc sống sau cái chết, chúng ta gián tiếp mò đoán. Từ xưa tới nay, thiên hạ tìm cách tương tác với thế giới bên kia – như Thượng Đế, thần linh, hồn người chết – qua trung gian các thầy bói, ông đồng bà cốt. Những kẻ theo thuyết duy linh vẫn còn làm điều đó, và nhiều cuốn sách chứa những thông tin về thế giới bên kia của những kẻ đã tương tác với linh hồn người chết.

Hiện nay, chúng ta càng lúc càng nhận được thêm thông tin về những trải nghiệm cận tử và hồn lìa xác. Tuy có thể khiến nghi ngờ, những thông tin như nhau đó khiến nghĩ là đáng tin cậy. Chúng ta không thể có bằng chứng trực tiếp về thế giới bên kia, và như vậy thì tới một phần nào đó phải dựa vào những trải nghiệm gián tiếp. Điều đó có phần như một vụ xét xử của tòa án, trong đó bằng chứng trực tiếp, như dấu tay, hay thử nghiệm DNA, hay thú tội, và sự thật sẽ được xác định bằng cách thu thập những bằng chứng gián tiếp. Trong lịch sử và trên khắp thế giới, các ông đồng bà cốt, các pháp sư, để cho linh hồn các thần linh, hay người chết, nhập vào mình, để dựa vào đó mà truyền tin cho người ta. Ban đầu, điều đó được dùng bởi các vua chúa cho những mục tiêu chính trị, như tiên tri vận may, nhưng dần dần lan truyền tới các thương nhân cho những nhu cầu của họ. Do đó, người ta bắt đầu coi ông đồng bà cốt là một nghề nghiệp cho tới hiện nay.

Cái nhìn của thuyết vật linh

Tại Âu Châu, những lễ cầu hồn phát triển nhanh chóng giữa thế kỉ 18, và có nhiều văn nhân và học giả danh tiếng tham dự. Các phong trào duy linh nối tiếp cái truyền thống đó. Chẳng hạn, Hội Đồng Duy Linh Học thông qua 7 nguyên tắc dưới đây, dựa trên những thông tin và khai chứng của các phong trào tâm linh từ hơn hai thế kỉ qua:

1. Tính cách một người cha của Thượng Đế
2. Tình huynh đệ của loài người
3. Sự giao tiếp giữa linh hồn còn mang xác thịt và linh hồn lìa khỏi xác thịt
4. Sự tiếp diễn của đời sống cá nhân với những nét đặc biệt của chính mình sau cái chết của cơ thể
5. Trách nhiệm cá nhân
6. Sự đền bù và thưởng phạt nơi đây, hay tại thế giới bên kia, cho tất cả những hành vi trên trần gian
7. Một con đường của sự tiến bộ liên tục cho mọi linh hồn

Nguyên tắc thứ 3, sự giao tiếp giữa 'linh hồn còn mang xác thịt và linh hồn lìa khỏi xác thịt', phản ảnh một khuynh hướng chú tâm tới những dính líu của linh hồn; còn nguyên tắc 7, 'một con đường của sự tiến bộ liên tục cho mọi linh hồn' là sự phủ nhận việc một khi vào địa ngục, chúng ta sẽ không được giải thoát.

Cái thế giới sau cửa tử, theo sự hình dung của các nhà thông linh, được nối kết với cái thế gian này qua một sự tiến triển của những làn sóng dần dà biến chuyển từ thô sơ tới tinh tế, cho tới khi thành những làn sóng tinh túy, gần cận Thượng Đế nhất – như một tấm vải với những màu sắc sỡ dần dần thành những màu êm dịu hơn. Sau lúc chết, linh hồn không ngừng bành trướng tới thế giới bên kia, làn sóng của nó tương ứng với giai đoạn đạt được, mở đường cho sự 'tiến bộ liên tục.'

Điều đáng chú ý là không nguyên tắc nào trong 7 nguyên

tắc đó đề cập tới luân hồi, có lẽ do một sự bất đồng ý kiến giữa các nhà thông linh về việc có hay không có luân hồi, và cũng không có một sự đồng thuận nào của họ. Cả Thiên Chúa giáo lẫn Hồi giáo đều không chấp nhận luân hồi. Theo hai tôn giáo đó, sau khi chết, con người nằm dưới lòng đất cho tới ngày phán quyết.

Tuy là người Hồi giáo, Bapak nhìn nhận luân hồi. Bapak thường đề cập tới đời sống sau cái chết, nhưng chưa từng nói tương tận về những gì chúng ta sẽ nghiệm thấy, hay đời sống của linh hồn sẽ ra sao tại thế giới bên kia. Khi Varindra Vittachi hỏi về ý nghĩa của sự chết, Bapak không giải thích gì, mà chỉ nói chúng ta chưa đủ căn cơ để đối diện sự thật của nó. Bapak chỉ mô tả một cách tạm thời những nơi chốn có thể đến sau khi chết. Điều đó tôi đã thuật lại trong một cuốn sách trước đây, nhưng vì tầm quan trọng của chuyện này, tôi nói tới một lần nữa nơi đây, bằng cách cho biết Varindra Vittachi là ai.

Anh là một nhà báo tâm vóc quốc tế, một người quen thân nhiều chính trị gia. Anh lên án chế độ độc tài ở Sri Lanka (Tích Lan) và được giải thưởng Magsaysay trong năm 1959 cho cuốn sách về sự dính líu của chính quyền trong những cuộc nổi loạn vì chủng tộc của đất nước. Điều đó khiến nhà nước kết án anh là một kẻ không được quốc gia nhìn nhận. Sau đó, anh qua Mỹ ở, thành người phụ trách một chuyên mục của tờ Newsweek, và ủy viên ban chấp hành của UNICEF. Anh cũng là chủ tịch hội Subud quốc tế trong nhiều năm. Trong khi làm việc cho Subud, anh chưa từng tiết lộ mình là hội viên vì địa vị trong xã hội của mình. Tôi quen thân anh, và trong những năm sau đó anh cho tôi hay anh sẽ tuyên bố cho thiên hạ biết mình là hội viên Subud. Nhưng anh đã qua đời trước khi có thể làm điều đó.

Trả lời câu hỏi của Varindra về cái chết, Bapak đáp có nhiều cách nói khái quát về chuyện đó. Nhưng để tạm thời giải đáp, Bapak đề cập tới 3 điều có thể xảy ra sau lúc chết:

1) Ý nghĩ và cảm xúc của nhiều người hiện nay chỉ là vật chất, nên đó là cái lớp bảo vệ của họ.

2) Có những kẻ kém vật chất hơn, nhưng vẫn chưa thể thoát khỏi thế giới vật chất, nên họ sẽ còn lưu lại nơi đó sau khi chết. Sự lựa chọn duy nhất của họ là tái sinh thành một con người để có một dịp may khác, trong một cuộc sống khác.

3) Chỉ có rất ít người được nâng lên thiên đàng, ngay sau khi họ chết.

Nếu đọc lời chứng của những người trong trạng thái cận tử hay hồn lìa xác, ta thấy rõ là họ đã chứng kiến một thế giới mà không gian và thời gian không là của cái thế gian này. Không có một khoảng cách nào của không gian tại đó, như tại cái thế gian này. Nếu muốn tới một nơi nào đó, ta sẽ lập tức tới đó. Thậm chí, có những người đã thuật lại việc họ đi ngược lại thời gian, để trực diện điều xảy ra trước đó. Nếu thoáng nhìn thấy cuộc sống đằng sau cửa tử trong trạng thái cận tử hay hồn lìa xác, họ có lẽ đã tạm thời đi xuyên qua bức tường dày đặc chia cách chúng ta khỏi cái chết. Không ai có thể chắc chắn điều đó là như vậy. Nhưng sau khi đọc những giảng giải của Bapak về những trường hợp đó, ta không thể không đặt câu hỏi là những điều thoáng thấy đó có thể chỉ là ảo giác của trí óc.

Trắc nghiệm trong Subud

Thuyết duy linh khẳng định có một sự giao tiếp giữa linh hồn trong và ngoài xác thịt, nhưng lại không giải thích được sự giao tiếp đó bao hàm những gì. Bapak mô tả quan hệ đó bằng cách nói rằng tất cả những gì có trên thế gian này đều có tại thế giới bên kia, nhưng trong một hình thức khác. Bapak khuyến khích các hội viên Subud tìm cách tự mình nghiệm được cái quan hệ đó, qua một loại latihan gọi là trắc nghiệm.

Mỗi hội viên Subud có tiềm năng tiếp nhận những chứng nghiệm tâm linh. Qua latihan, chúng ta có cơ hội làm chứng cho những sự thật tâm linh. Tiếp nhận được cơ hội đó hay không là điều tùy thuộc ý Thượng Đế. Không phải mong muốn là sẽ được, và cũng không cần phải có trình độ chuyên môn. Các chứng nghiệm chợt xảy ra mà

không báo trước, dù ta đã được chuẩn bị hay chưa được. Có những người đã có chứng nghiệm ngay sau khi bắt đầu tập latihan, thậm chí có những người đã có ngay lúc được khai mở với cái latihan đầu tiên.

Trong hầu hết các trường hợp, việc nghiệm được một sự thật tâm linh là một ân phước. Điều đó làm cho đức tin ở Thượng Đế trở nên sâu sắc hơn, làm tăng cường niềm tin nơi Subud. Nhưng nó cũng khiến có đôi chút trách nhiệm, vì bây giờ mình là chứng nhân cho sự thật tâm linh đó. Bapak thường dùng trắc nghiệm để giúp những hội viên thấy khó tập latihan. Trắc nghiệm là một hình thức của latihan theo đó hội viên làm yên lặng tất cả những ý nghĩ của mình, trong trạng thái hoàn toàn quy thuận Thượng Đế, để đặt một câu hỏi mình muốn hiểu, trước khi bắt đầu làm latihan. Trong lúc latihan, họ tiếp nhận được một giải đáp, và cách tiếp nhận như thế nào là điều tùy thuộc mức độ thanh lọc của mình. Chẳng hạn, nếu sự thanh lọc chỉ ở mức độ thể xác, thì họ nhận được giải đáp qua những cử động của cơ thể. Một trong những cách có thể xảy ra là nếu được làm cho cử động bởi latihan, họ sẽ nhận thấy mình lắc đầu, không do ý chí, hàm ý đó là một điều không tốt. Mặt khác, một sự gật đầu hàm ý đó là một điều tốt. Có người tiếp nhận giải đáp trong chân tâm, có người nhận thấy môi mình cử động với những lời nói không do mong cầu, có người nhìn thấy một ảnh tượng. Cách mỗi người tiếp nhận giải đáp thì ăn thua ở việc bộ phận cơ thể nào đã đạt được tới đâu mức độ thanh lọc của nó. Việc cái quá trình đó có thể xảy ra là một bí ẩn, nhưng đó là điều mà mọi hội viên Subud nghiệm được.

Những câu hỏi của trắc nghiệm phải có một nội dung tâm linh. Trí óc và cảm xúc mình được dùng để giải quyết những vấn đề thế gian, vì đó là mục đích của chúng. Trong trường hợp một vấn đề vật chất ảnh hưởng tới toàn bộ cuộc sống mình, ta cũng có thể trắc nghiệm. Tuy đều cho thấy biểu tượng của những sự thật tâm linh, chứng nghiệm và trắc nghiệm không như nhau. Thế nên, ta thường không hiểu sự thật cho thấy đó đúng ra là gì. Nhưng tạm thời gác bỏ chuyện đó thì sau này ta có thể hiểu được qua một biến cố nào đó. Nhiều khi, ta không nhận được một giải đáp, và đó cũng là điều có thể chấp nhận. Có thể là mình chưa

đạt được cái trạng thái thích đáng để tiếp nhận được, hoặc chưa tới lúc mình cần phải hiểu. Sống trên thế gian này, chúng ta không thể biết – cũng không cần phải biết – tất cả những chuyện xảy ra, hay không xảy ra trong thế giới tâm linh. Tất cả các hội viên đều có cơ hội tự mình nghiệm được sự thật tâm linh qua trải nghiệm.

Trắc nghiệm Mộc tinh

Có lần Bapak làm một trắc nghiệm ở Nhật Bản về Mộc tinh (Jupiter) và đó là điều để lại ở tôi một ấn tượng sâu đậm. Trong cái trắc nghiệm đó, Bapak yêu cầu tiếp nhận latihan mình về câu hỏi „Khoai tây ở Mộc tinh lớn như thế nào?“ Vài hội viên tiếp nhận được „rất lớn“ nên Bapak hỏi thêm „Trái tim các sinh linh ở Mộc tinh thì như thế nào?“ Đó là một câu hỏi trắc nghiệm mới lạ và bất thường cho chúng tôi. Thông thường, việc hiểu được những thế giới ngoài trái đất ra là điều ra ngoài khả năng mình, nên chúng tôi không thể làm được, nếu không được Bapak trợ giúp. Do đó mà Bapak ít khi làm những trắc nghiệm như vậy.

Hồi đó, tôi ngồi bên cạnh Bapak, vai trò của mình là thông ngôn từ tiếng Anh qua tiếng Nhật, tiếng Anh thì được thông ngôn từ những lời nói bằng tiếng Indonesia của Bapak. Tôi không có ý định tham dự trắc nghiệm, vì tập trung vào việc thông ngôn. Nhưng bởi đó là một câu hỏi bất thường, nên tôi vội vã thông ngôn qua tiếng Nhật, để tìm cách tiếp nhận được giải đáp trong một trạng thái latihan như những hội viên khác. Ngay sau đó, tôi nghiệm thấy một điều khó tin. Một sương mù màu trắng óng ánh như bạc vọt ra từ tim tôi, tỏa sáng truyền ra ngoài trước mặt tôi. Lâu không hơn vài giây, điều đó cho thấy trình độ các sinh linh ở Mộc tinh cao hơn của con người, và bởi có vẻ như thiếu cảm xúc nên tim họ tỏa sáng thành một sương mù tinh trong.

Trước đó, tôi đã nghe Bapak nói là trên mỗi thiên thể đều có các sinh linh, và có những sinh linh mà trình độ cao, hoặc thấp hơn của con người. Tình cảnh của những thiên thể đó khác với của trái đất, nên cần phải có những trạng phục cho không gian để thăm viếng và tương tác với họ.

Tuy thế, Bapak nói, ta có thể tương tác với họ trên một bình diện tâm linh. Cái trải nghiệm về Mộc tinh đó khiến tôi cụ thể hiểu được điều đó nghĩa là gì.

Chứng nghiệm của tôi về Hành Lang tới Thiên Đàng

Điều dưới đây là một chứng nghiệm tôi có trong một xuất latihan nhóm.

Hồi đó, Subud Nhật Bản mượn một phòng lớn tập thể dục của một trường trung học cho việc tập latihan. Phòng đó không có sưởi, gió thổi qua những kẽ hở trong cửa sổ và khung cửa, nên mùa Đông thì phải mang một áo choàng bên ngoài trong lúc tập latihan. Một đêm nọ, ngay sau khi bắt đầu latihan, tôi nhận thấy hình như mình đang đứng trước một ống trong suốt hình trụ. Tôi nhìn lên trên, hình trụ đó có vẻ như bánh trứng thẳng đứng lên trên, tới chỗ tận cùng của bầu trời. Tôi lơ mơ nhận thấy tại nơi nào đó chỗ cuối hình trụ là ngôi vị của Thượng Đế. Thật lộn xộn. Làm sao tôi có thể nhìn thấy chỗ tận cùng của bầu trời? Tôi nhìn chung quanh, bên trong hình trụ tối đen như mực. Khi nhìn xuyên qua những tường của hình trụ, tôi thấy thế giới bên ngoài bớt trong sáng hơn do những bụi cát tinh vi trôi nổi trong một không khí phản chiếu ánh sáng. Tôi nhận thức được lí do mình nhìn nhìn thấy chỗ cuối của hình trụ: đó là một nơi hoàn toàn không có những tạp chất, hay bụi cát, khiến không đen tối.

Khi nhìn lên trên vật hình trụ một lần nữa để kiểm chứng, tôi nhận thấy nó không bị méo mó hay cong queo, mà nơi thẳng hoàn toàn. Trong suốt lúc đó, latihan tôi vẫn như thường. Tôi cảm thấy buồn là mình đứng tận nơi đáy của vật hình trụ. Sau vài năm latihan, tôi mong cho mình bay lượn được cách mặt đất tối thiểu là 2 hay 3m. May mắn là tôi không còn nghĩ như vậy. Dù tôi bay lượn cách mặt đất hơn trăm mét, điều đó cũng chẳng ăn nhằm gì, vì khoảng cách của Thượng Đế vô cùng xa, nhưng cũng vô cùng gần.

Do kinh nghiệm tôi hiểu được điều hệ trọng cho chúng ta không là xét đoán sự tiến bộ của mình đã tới đâu, mà là chỉ việc tiếp tục đi tới phía trước. Chúng ta đã được cho

thấy hành lang tới Thượng Đế. Bởi không có chướng ngại trên đó, ta không cần phải dùng một con phổ ngang của sự tự đánh bóng mình. Tuy ta nghĩ đó là một lối tắt, nhưng thực tế là một con đường lòng vòng rất dài, khiến không còn nhìn thấy hành lang của mình. Điều đó tăng cường cho một chứng nghiệm mà tôi có trong một latihan trước đó.

Trong cái latihan đó, một bức tường gồm ánh sáng chợt hiện ra trên sàn phòng tập thể dục. Bức tường đó cao tới trần nhà và đâm xuống mặt đất, xuyên thủng tatami, với những bọt ánh sáng nơi tiếp xúc. Bởi bức tường dày khoảng 10m, tôi nghĩ nó gồm ánh sáng, nhưng không hiểu sao tôi lại thấy đó là chân của Thượng Đế. Nhưng coi Thượng Đế có chân chăng là xem Thượng Đế như một con người, một điều thông thường không thể chấp nhận. Ngay cả trong latihan, tôi cũng cảm thấy như vậy. Cái ý nghĩ đó mãnh liệt tới nỗi khiến khó có thể nghĩ khác. Xong latihan nhóm, tôi cũng chẳng biết gì hơn được. Nhưng khi nghiệm được lối đi hình trụ trong cái latihan kế tiếp, tôi nhận thức được bức tường ánh sáng là bên ngoài của vật hình trụ. Bên ngoài và bên trong đều như nhau. Do đó mà tôi đã nghĩ đó là chân chẳng của Thượng Đế.

Khi suy nghiệm về điều đó, tôi thấy vật hình trụ là biểu tượng của latihan. Tôi đã được làm cho nghiệm được thực chất của latihan, điều không thể hiểu qua ngôn từ, theo cách của biểu tượng. Những chứng nghiệm như vậy là đặc tính của Subud, và đó mới là điều đáng chú ý.

Latihan và cái chết của bà mẹ tôi

Tôi đã nói tới hầu hết những trải nghiệm về cái chết trong cuốn sách đầu tiên của mình. Từ đó, tôi biết được có nhiều cách chết. Khi họ chết, có những người phải mất một thời gian họ mới nhận thấy mình đã chết. Trong cuốn này, tôi nói về cái chết của bà mẹ tôi.

Mẹ tôi được khai mở khi bà còn trẻ. Bà không thể tập latihan vì nhiều lí do, dù tập với nhóm hay một mình. Khi già yếu, bà quyết định vào một viện dưỡng lão tại

một vùng xa cách Kisarazu là nơi tôi sinh sống, mà nếu dùng xe lửa tới đó thì phải mất một tiếng đồng hồ. Tức là thỉnh thoảng vợ chồng tôi mới có thể tới thăm bà, nên bà không có nhiều dịp tập latihan. Bà mất lúc 86 tuổi, làm tôi cảm thấy một sự hối hận dai dẳng.

Một trong những tín ngưỡng căn bản của Subud là tập latihan không những chỉ lợi ích cho mình, mà còn cho cả bố mẹ mình, thậm chí cho cả những thân nhân đã chết. Tôi đã nghiệm được điều đó, khi bố tôi mất trong đau đớn khi còn trẻ. Hồi đó, tôi được khiến cho bất ngờ tiếp xúc được với ông qua latihan, điều làm giảm nhẹ cơn đau ông. Khi mẹ tôi mất thì hoàn toàn không có gì đã thay đổi. Một vài ngày sau khi bà qua đời, tôi đi tập latihan nhóm. Ngay khi bắt đầu tập, tôi nhận thấy nội dung latihan mình khác với lúc thông thường.

Ngay sau đó, tôi nhận thức được linh hồn mẹ tôi trong ngực mình, và bà đang cùng tôi tập latihan. Tôi mãnh liệt và sống động cảm thấy điều đó, và không thể nào là khác được. Ngay khi xong latihan, tôi vẫn còn cảm thấy như vậy. Cái chứng nghiệm đó ngoài mong đợi tồn tại gần được 3 tháng. Mỗi lần tập latihan, tôi ý thức được linh hồn mẹ tôi đang cùng tập latihan với mình. Tuy đã không thể đầy đủ tập latihan lúc còn sống, nhưng trong những tháng đó bà có bên trong nơi tôi để tập bù vào những lúc thiếu thốn đó.

Tôi chưa từng nghĩ có thể có một chuyện như vậy – nhất là Subud không cho phép nam và nữ cùng tập latihan. Những người khác giới tính luôn tập latihan riêng biệt. Thiên hạ luôn hỏi tại sao lại phải như vậy. Có một lí do chính đáng: khi chúng ta tập latihan, bản chất và trạng thái chân ngã mình được phơi bày. Thông thường, chân ngã mình che giấu sau mặt nạ cá tính mình – cái nhân cách tạo nên do tác động của trí óc. Trong latihan, tác động của trí óc bị quyền năng của Thượng Đế ngăn chặn lại, nên tính khí và cái chân ngã được che giấu của mình sẽ lộ diện. Điều đó biểu lộ qua những âm thanh và động tác của cơ thể lúc latihan. Chẳng hạn, một người nam có thể la hét trong latihan, một người nữ có thể khóc lóc. Những âm thanh đó nằm trong quá trình thanh lọc dưới

tác động của latihan. Năng lượng tạo nên trạng thái hiện hành của chân ngã họ được tiêu thụ. Tuy thế, nếu nam và nữ tập latihan chung nhau, tiềm năng tiếp nhận latihan đúng cách của họ sẽ giảm thiểu, vì mỗi bên nhận thức được cung cách của nhau. Ngoài ra, điều đó còn rất có thể khiến có những hiểu lầm tạo vấn đề giữa nam và nữ. Nên có quy lệ nam và nữ tập latihan riêng biệt.

Trong lúc latihan ta luôn ý thức được. Ta không trong trạng thái hôn mê, mà luôn ý thức được những gì đang xảy ra. Tuy thế, những gì nghiệm được trong Subud thường là một thực tại còn thực sự hơn những gì nghiệm được trong đời sống hằng ngày. Điều đó khiến các hội viên Subud tin chắc điều mình nghiệm được là đáng tin cậy. Nhưng nếu không chú tâm, ta có thể làm lẫn sự thật của cõi giới tâm linh với sự thật của thế gian; những biến cố xảy ra bên này không phản chiếu lại bên kia. Sự kiện là hai cõi giới đó có những tình cảnh và thực tại khác nhau. Bất cứ hành động nào không xét tới sự khác biệt đó sẽ làm loạn trật tự cái thế gian này. Chính Bapak đã nói với tôi là phải quan tâm tới điều đó.

Dù biết được nó xảy ra nơi bên kia qua kinh nghiệm tâm linh của mình, điều đó sẽ không xảy ra nơi đây, trừ phi có những điều kiện thích đáng, hoặc có thể xảy ra lúc nào đó. Nếu nó không xảy ra trên thế gian này, thì cũng không có gì phải thắc mắc: điều đó chỉ có nghĩa là không không còn tầm quan trọng cho nơi đây nữa, và do đó mình nên quên nó đi. Bapak khuyên những hội viên đã nghiệm được điều gì đó trong latihan là đừng tin gì cho tới khi nó là thực tại trên thế gian này. Đây là một vấn đề tế nhị; tôi còn nhớ Bapak đã từng nói rằng những gì thực sự nơi đây cũng có nơi bên kia nhưng khác nhau trong cách tồn tại.

ĐI TÌM MỘT ĐỀ CƯƠNG CAO THÂM

Những mối bận tâm chủ yếu của thời đại chúng ta

Naoki Kashio là giáo sư khoa tôn giáo của đại học Keio, một đại học tư danh tiếng của Nhật Bản. Phân tích cặn kẽ các tôn giáo hiện đại trong cuốn Spirituality Revolution, ông nhận thấy tình trạng lo sợ và cô đơn là nét chủ yếu của thời đại chúng ta. Đặc điểm hiện nay của thế giới chúng ta là một tình trạng hoàn cầu hóa, vì cuộc cách mạng thông tin của internet đã phá vỡ những ranh giới của khoảng cách trên khắp thế giới. Điều đó còn được hỗ trợ bởi sự gia tăng của những đường hàng không, khiến cho mọi người có thể du hành khắp thế giới. Thế giới được phối hợp nhanh chóng hơn sự mong đợi của mọi người. Ta có thể tức khắc liên lạc bằng video với người thân và bạn bè nơi nào đó trên thế giới mà không tốn kém gì.

Sự toàn cầu hóa là một yếu tố tích cực cho kinh tế, vì xúc tiến việc phân phát hàng hóa và tạo cơ hội cho kinh doanh. Người ta dễ dàng liên lạc với nhau, nên các quốc

gia trên khắp thế giới bành trướng khu vực hợp tác. Tuy nhiên, điều đó có mặt trái. Vì thế giới được nối kết, nên thiên hạ bắt đầu so sánh các nền văn hóa của nhau, và sát nhập một nền văn hóa khác vào nền văn hóa của mình. Tình trạng đó chỉ tăng chứ không giảm, ảnh hưởng tới mọi người trên khắp thế giới. Cho tới nay, những tiêu chuẩn hành xử của thiên hạ dựa trên nền văn hóa truyền thống trong đó họ được nuôi dưỡng, và họ coi đó là những giá trị tuyệt đối. Họ dựa vào đó để suy xét đời sống hằng ngày của mình. Nhưng trong một thế giới mọi sự việc chỉ là tương đối, nên khó có thể so sánh thiện với ác, bởi không có gì là tuyệt đối. Không có chân lý tuyệt đối nên mọi sự việc trở nên không chắc chắn.

Tất cả các quốc gia được nối kết với nhau, và hiện nay những gì xảy ra tại một quốc gia khác cũng có thể sẽ xảy ra trên đất nước mình, và ta không còn biết chắc những gì xảy ra cho chính mình trong tương lai. Điều đáng chú ý là điều đó tương ứng với những sự kiện mà khoa học tiết lộ về nguyên lý bất định. Một nguyên lý cơ bản của cơ học lượng tử, nguyên lý bất định, là những đo lường về hạt cơ bản không thể không trở nên bất định; càng chính xác, sự đo lường đó càng trở nên khó thực hiện. Tương tự, nếu không có gì là chắc chắn trên thế gian, những ai dựa vào những tiêu chuẩn hành xử trong nền văn hóa truyền thống của mình sẽ mất đi những gì là đáng tin cậy. Không có bất cứ gì có thể dựa vào.

Mọi người nối kết với nhau qua huyết thống hay văn hóa. Nhưng ngay cả những quan hệ đó cũng không có gì là chắc chắn, vì không còn những giá trị tuyệt đối. Ta càng thấy khó chắc chắn dựa vào gia đình, thân nhân hay bạn bè mình, trong trường hợp khẩn cấp. Hậu quả tất nhiên là người ta coi mình là trung tâm: chủ nghĩa tự do cá nhân chiếm ưu thế, lợi lộc và tiện lợi là ưu tiên. Nếu thiên hạ chỉ dựa vào chính mình, quan hệ với xã hội trở nên lỏng lẻo, khiến cảm thấy cô đơn. Quả thực có những sinh vật có thể sống đơn độc, trừ phi phải sinh sản, nhưng loài người thì không thể như vậy được. Loài người lệ thuộc vào nhau. Các đứa bé sơ sinh sẽ không thể sinh tồn nếu không ai chăm sóc chúng.

Thế giới vật chất chứa đầy những thách thức gay go cho mọi sinh vật. Những người già yếu và những kẻ có thể bị tổn thương trong xã hội không thể sinh tồn nếu thiếu sự chăm sóc của những người khác. Để đối phó vấn đề đó, chính quyền cần phải tăng cường những chính sách an sinh, nhưng điều đó không dễ gì thực hiện. Chính sách an sinh rất tốn kém: càng đầu tư cho an sinh xã hội thì càng làm cho kinh tế suy yếu. Để khắc phục điều đó, ta phải có một tinh thần trợ giúp nhau, và đó là điều phải được đưa vào xã hội là một toàn thể. Không dễ gì làm cho thiên hạ tước bỏ tư lợi của họ trong một thế giới mà những kẻ tài giỏi nhất sinh tồn, để biến họ thành những người quý trọng một xã hội của sự trợ giúp nhau. Trí óc nằm dưới sự cai trị của định luật trì trệ là một sức mạnh duy trì, thay vì thay đổi, những gì hiện có.

Theo Bapak, dự vọng con người gia tăng đáng kể trong một thời kì của lịch sử với sự xuất hiện của Đức Ki Tô. Bapak không xác định đó là nguyên nhân, nhưng sự xuất hiện của Chúa Giê-Su có thể là cách cho Thượng Đế kiểm chế sự hỗn loạn do những dự vọng gia tăng của nhân loại. Thực vậy, cốt tủy giáo lý của Giê-Su là làm chủ được những dự vọng.

Lí tưởng một thế giới đoàn kết là giấc mơ của nhân loại trong nhiều năm, và việc làm cho thế giới sát cánh nhau là cách duy nhất nhờ tận gốc những chiến tranh bất tận kể từ lúc có lịch sử của loài người. Cả Liên hiệp quốc lẫn Cộng đồng Âu Châu đều được lập ra cho mục đích đó. Tuy nhiên, sự tranh chấp hiện nay giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc để thống trị thế giới là điều hình như khiến chúng ta đi theo một hướng đối nghịch.

Theo tôi nghĩ, tình cảnh hiện nay của thế giới là một đại dương của dự vọng trên đó mọi người di chuyển mà không biết đi đâu, dù trên một chiếc thuyền nhỏ bé, hay một chiếc tàu lớn chở khách, của dự vọng. Những gợn sóng mà những mũi tàu tạo ra là những dự vọng của những kẻ trong đó. Những gợn sóng đó đụng vào nhau, va chạm nhau, khiến tạo nên những cơn lốc. Những cơn lốc đó gia tăng thành những xoáy nước mà hậu quả có thể là xung đột và chiến tranh.

Niềm an ủi của tôn giáo

Khi loài người không biết cách nào đối phó những tai ương thiên nhiên hay do chính mình, tôn giáo xuất hiện để hướng dẫn và khuyên bảo họ. Tôi đã thuật lại vụ xử kiện Galileo trong thế kỉ 17, khi các nhà thần học Thiên Chúa giáo khăng khăng đòi bênh vực thuyết vũ trụ của Ptoleme, thay vì thuyết dựa vào khoa học và quan sát của Copernic. Tuy các nhà thần học đã thắng vụ xử kiện đó, nhưng cuối cùng thì khoa học đã thắng thế. Tôn giáo bắt đầu mất uy quyền mà không còn lấy lại được. Hơn nữa, hình như không có cách nào làm cho tôn giáo được tin cậy trở lại. Một trong những lí do là có nhiều người đã bỏ đạo vì lợi thế của khoa học. Các nhà tâm lí và phân tâm học trở thành cố vấn cho thiên hạ thay thế cho các thầy tu.

Giáo sư Kashio cũng nhận thấy từ spirituality (tâm linh) thường dùng trên thế giới là một từ đại diện cho cho tâm tính tôn giáo của mọi người, thay vì cho một tôn giáo đã được thể chế hóa. Khái niệm tâm linh càng lúc càng trở nên thông dụng trong xã hội. Giáo sư Kashio đề xuất đó không là một hiện tượng tạm thời, mà là một phương cách mà nhân loại đã lựa chọn nhưng không ý thức được, để đối phó nỗi lo sợ và cô đơn của hiện nay. Ông bày tỏ niềm hy vọng là cái trào lưu đó sẽ phát sinh một trình độ tâm linh cao hơn, với một tôn giáo nội dung cởi mở và sâu sắc hơn, với một tiềm năng siêu nghiệm cao hơn. Ông còn nói rằng một tôn giáo cởi mở là nỗ lực cốt yếu để giải quyết tình trạng cô đơn, cội rễ nhiều vấn đề của thế giới. Đó là cách độc nhất làm cho bản ngã ý thức được sự việc chúng ta không đơn độc, mà là duy nhất, và điều đó làm sống lại sự nhận thức về lúc trước khi chúng ta là những con người. Trong lịch sử, các tôn giáo đã cung cấp tài nguyên văn hóa cho các cá nhân để đạt được một trình độ siêu nghiệm, nhưng muốn được như vậy thì cần phải trở nên cởi mở hơn.

Đặt nền tảng cho kết luận của mình, giáo sư Kashio xem xét và phân tích nhiều tôn giáo mới, nhiều phép trị liệu và văn hóa được ưa chuộng. Tôi không nói tới những cái đó ở đây, mà chỉ đề cập tới Subud, một lối tu tâm mà tôi

theo tập trong nhiều năm, vì Subud tương ứng với những điều kiện theo ý ông của một tôn giáo cởi mở. Những điều kiện đó như sau:

- Mục tiêu tiên quyết là đi tìm những nguyên lí tâm linh qua sự nhận thức được những trạng thái tâm linh (đồng hóa với cái tuyệt đối)
- Tôn trọng độc lập và ý chí của cá nhân.
- Mục đích của cộng đồng không là bành trướng kích thước của nhóm, hay kích thích những cơ ngơi của nó.
- Tự do tham gia hay bỏ cuộc.
- Không có ý truyền đạo.
- Không tôn sùng các minh sư, hay những huyền thoại và nơi chốn thánh thiện liên quan tới họ.
- Không biến lãnh đạo của mình thành thánh sống, cũng như không tạo nên các cấp bậc.
- Mục tiêu các nghi lễ và phép tu là sự thăm dò các nguyên lí tâm linh.
- Loại trừ nạn quan liêu.
- Có những dịch vụ tự nguyện trong và ngoài nhóm.
- Cởi mở đối thoại và tìm hiểu, và không có gì là bí mật.
- Tự do đóng góp tiền của.
- Tự do tin theo những nhận thức siêu nghiệm của mình.

Latihan và tổ chức Subud đáp ứng hầu hết những điều kiện đó, và đó là lí do tôi đề nghị những quan niệm của Bapak về vũ trụ được dùng cho một đề cương cao quý cho nhân loại hiện nay.

Khát khao tự do

Mọi người đều khát khao tự do, dù là bất cứ ai – từ sinh viên tới chính trị gia. Có những người có thể cảm thấy

cái thế giới của mình không là toàn thể vũ trụ, và có một thế giới cao quý hơn, được tự do nhiều hơn, nơi xa xôi trên bầu trời. Thường thường, những kẻ đó cảm thấy vui sướng vì nhận thấy mục đích của đời người. Trong đáy lòng, họ cảm thấy khó chịu vì cái thế gian này, và thường xuyên đi tìm những thế giới cao quý khác.

Tôi đã từng nói tới một nhà viết nhạc: chị mô tả những sáng tác hay nhất của mình là những gì nhận được từ trên trời. Trong những lúc đó, chị cảm thấy mình được mang ra ngoài thực tại của cái thế gian này; âm nhạc có lẽ là một trong những cách hữu hiệu nhất khiến cảm thấy được như vậy. Văn chương và những nghệ thuật tạo hình đi từ thực tại của cái thế gian này, những gì mình nhìn và nghe thấy với tai và mắt, và đó là những cái đẹp đem tới cho những ai khác. Nhạc trưởng danh tiếng Bruno Walter đã có lần nói rằng âm nhạc, trừ một vài trường hợp ngoại lệ ra, mà mình nghe đúng ra là những rung động của một thế giới khác trong vũ trụ, điều được cảm thấy với tai của nội tâm. Trong cuốn *Time with the Oboe*, Fumiki Miyamoto, một nhạc sĩ kèn oboe, viết:

Khi thổi kèn oboe, tôi không cảm thấy trọng lượng của nó – quyền lực của âm nhạc tạo ra một thế giới ảo là thiên đàng. Người chơi nhạc muốn thể hiện cái giây phút đặc biệt đó.

Chơi nhạc để cảm thấy mình được tự do...ta trở thành âm thanh để bay lượn trong không trung. Ta không bám vào bất cứ gì, ta hoàn toàn được tự do.

Điều Miyamoto muốn nói: mục tiêu tối thượng của nhạc sĩ là đi ra ngoài nơi chính mình để siêu nghiệm việc được nhiều tự do hơn.

Nghệ thuật là sự sáng tạo cái đẹp chưa có trên thế gian. Đó là sự biểu đạt và bành trướng của bản ngã. Giây phút sáng tạo là giây phút siêu nghiệm được một thế giới có nhiều tự do hơn. Có lẽ do đó mà các nghệ sĩ đã khổ cực tận tâm với nghệ thuật. Với các nhà thể thao thì cũng vậy. Khi được hỏi tại sao thích leo núi, một nhà leo núi thượng thặng nói: "Vì có núi!" Trả lời như vậy không có nghĩa gì nhiều, mà chỉ phản ánh một sự khát khao được tự do hơn.

Đối Thoại giữa Thượng Đế và các Thiên Thần về về sự Tạo Lập của loài người.

Về những tự do cho nhân loại, Bapak thuật một truyện thú vị trong thánh thư về một đối thoại giữa Thượng Đế và các thiên thần về mục tiêu sự tạo lập của loài người.

Sau khi tạo ra vũ trụ, Thượng Đế tụ họp các thiên thần để cho họ thấy cái vũ trụ mình đã tạo ra. Bao gồm ánh sáng các thiên thần là tôi tớ của Thượng Đế. Người ta thường muốn tự mình nhìn thấy những gì mình đã tạo ra, nên ta hiểu được tại sao Thượng Đế lại làm như vậy. Thượng Đế muốn tự mình nhìn thấy kết quả của những gì đã tạo ra. Để kiểm chứng, Thượng Đế muốn có ai khác cũng nhìn thấy – đó là các thiên thần trong không gian. Các thiên thần có thể du hành hàng ngàn lần nhanh hơn ánh sáng, nhưng cái vũ trụ mà Thượng Đế tạo ra mênh mông tối nỗi khiến họ phải mất 100 năm mới tới được đường mép của vũ trụ, để trở về nơi của Thượng Đế.

Thượng Đế nói với các thiên thần là mình đã tạo ra vũ trụ như một nơi chứa đựng, nên cần phải có những cư dân là loài người. Với loài người, Thượng Đế nói là họ sẽ không được làm bằng ánh sáng như các thiên thần, nhưng họ cũng có thể trở về nơi mình, có thể còn nhanh hơn cả các thiên thần. Các thiên thần cứng họng căm phẫn, vì tuy du hành nhanh hơn ánh sáng, họ phải mất 100 năm mới tới được nơi tận cùng của vũ trụ. Xét theo trường hợp các thiên thần, loài người phải mất 70 triệu năm mới về được nơi của Thượng Đế. Nhưng Thượng Đế nói: "Đó là ý Ta. Ta là Toàn Năng." Thượng Đế còn nói mình sẽ chôn cất bản chất mình bên trong những gì được tạo ra. Nghe Thượng Đế nói như vậy, các thiên thần được thuyết phục, nên họ hứa sẽ tuân theo ý Thượng Đế.

Truyện đó tóm lược là như vậy. Bapak cho thấy rõ là 3 ngày sau khi bị đóng đinh, Đức Kí Tô đã thăng thiên; Thiên Sứ Muhammed thăng thiên trong một ngày; chứng nghiệm thăng thiên của Bapak chỉ mất 7 tiếng đồng hồ. Đối thoại đó giữa Thượng Đế và các thiên thần hàm ý là loài người đóng một vai trò quan trọng trong vũ trụ - vai trò kiểm tra và báo cáo về vũ trụ, như điều các thiên thần làm. Con người có thể trở về nơi Thượng Đế nhanh hơn

thiên thần. Thế giới loài người nằm giữa trung tâm của vũ trụ, và trong linh hồn ta có một sinh lực cao hơn thế giới con người. Vì cơ thể mình được làm bằng vật chất, nên ta có thể cư ngụ trên cái thế giới vật chất này. Đối thoại giữa Thượng Đế và các thiên thần mang nghĩa là Thượng Đế muốn cho chúng ta trở về thế giới Rohani với những kinh nghiệm và kiến thức đạt được trên thế gian này.

Tôn giáo và tự do của ý chí

Cái độc đáo của con người trên thế gian này là ý chí mình được tự do gần như ý Thượng Đế. Chúng ta có thể thay Thượng Đế phán quyết những gì là đúng hay sai mà chỉ dựa vào ý chí mình. Hệ quả có thể là lợi ích hay tai họa cho thế giới. Trong cấp bậc của vũ trụ, thế giới nào càng cao thì càng ít bị lệ thuộc vào các định luật, và càng được tự do nhiều hơn. Vật chất tự nó không thể di động, nhưng được tự do bành trướng tới cội rễ của trái đất và tới mặt trời; các thú vật có thể tự do di động và bành trướng trong cái thế giới của chúng. Loài người còn được tự do nhiều hơn, nhưng điều đó không đáp ứng những tiêu chuẩn của nguồn gốc mình trong vũ trụ.

Con người luôn mơ ước có thể bay, và Leonardo Da Vinci đã phác họa một máy bay đầu tiên trong lịch sử của nhân loại. Phải mất 100 năm nữa sau đó giấc mơ đó mới được thực hiện bởi anh em Wright. Giấc mơ bay trên trời không chỉ đến đó là hết. Chúng ta đã tạo ra phi cơ phản lực, hỏa tiễn, và hiện nay mục tiêu là cái không gian bên ngoài thái dương hệ. Chúng ta không ngại khó khăn làm cho giấc mơ đó thành sự thật, để khắc phục những giới hạn của mình. Sự tranh đấu cho một thế giới khiến được tự do hơn luôn còn đó.

Thú vật và những sinh vật dưới trình độ con người cũng mong muốn được tự do. Mong muốn tức là phải còn sống, điều không thể cần phải có nhưng bị giới hạn. Với thú vật, những hành động dựa trên mong muốn bị giới hạn bởi bản năng. Nhưng loài người thì không lệ thuộc bản năng, và có thể luôn dùng tự do ý chí. Ta phải nhận thấy cái giới hạn cho những mong muốn của mình. Như vậy thì mình

sẽ phải lãnh trách nhiệm cho những hậu quả của tự do ý chí. Nếu nhìn lại lịch sử, ta nhận thấy rõ là với tự do ý chí ta sẽ đem đến hỗn loạn và tai họa cho xã hội.

Xưa kia, trong thế kỉ 11 và 13, các quốc gia Âu Châu đã phái Thập Tự Quân tới lấy lại thánh địa Jerusalem. Lịch sử tiết lộ điều xảy ra là một sự lạm dụng tự do ý chí, khiến cho nhiều người chết vô ích và thế giới khắp nơi trở nên hỗn loạn. Ngoài ra, tinh thần chống chọi Hồi giáo của Thập Tự Quân cùng với chủ nghĩa quá khích của Hồi giáo, hay jihad, vẫn còn xảy ra trong 700 năm cho tới nay, và làm cho thế giới bị xâu xé. Chúng ta cũng biết rằng những người lập ra nước Mỹ đã không ngần ngại tiêu diệt dân bản địa như tiêu diệt thú vật. Như đã đề cập, tư tưởng và trí tuệ không khách quan, cũng như không độc lập. Tuy thông minh, những người da trắng tìm ra nước Mỹ đã không ngần ngại thủ tiêu dân bản xứ, coi họ không là những con người, vì sự khác biệt của màu da, ngôn ngữ và văn hóa.

Loài người đã lựa chọn văn minh hiện đại và xã hội thành thị là hướng đi cho tương lai, với sự hỗ trợ của những phương pháp luận khoa học. Nhân chủng hiện đại (Homo sapiens) xuất hiện cách đây 2000 năm, cùng tồn tại với chủng loại Neanderthals. Những phát hiện của khảo cổ học cho thấy đôi bên đều chôn cất người chết và dùng bông hoa để trang trí, điều được coi là tôn giáo nguyên thủy. Điều đó chứng tỏ ngay từ lúc ban đầu loài người đã nhìn nhận ngay cả sau khi chết, thần khí mình vẫn còn sống để che chở hay nguyên rủa gia đình và con cháu mình.

Thế giới văn minh hiện nay chủ yếu dựa vào tư tưởng và trí tuệ. Trí tuệ được nâng lên địa vị thánh thần, cao hơn của cả Thượng Đế. Theo cách nhìn của khoa học hiện đại, bởi không có gì ngoài vật chất ra, nên con người có thể tự do vận dụng những định luật chi phối vật chất của khoa học, và do đó có thể tạo ra bất cứ gì cho mình. Thực vậy, cuộc sống chúng ta trở nên tiện nghi hơn, khi chung quanh mình có những ngôi nhà vật dụng. Đó là hướng đi mà nhân loại đã chọn. Vấn đề là sự lựa chọn đó đem lại hạnh phúc cho mình? Việc dựa vào trí tuệ không là điều

mới lạ, như những trường hợp trong Thánh Kinh.

Tôn Giáo và những nền Văn Minh xưa kia

Cựu Ước trong dạng thức hiện nay đã có khoảng đầu thế kỉ. Thực ra, một vài sáng tác trong đó là trong thế kỉ 15 trước công nguyên, và do đó là một trong những kinh sách cổ xưa nhất của nhân loại. Những sáng tác đó mô tả những huyền thoại như Tháp Babel và nạn Đại Hồng Thủy trên thế giới, khi Noah cho đóng một chiếc thuyền lớn.

Hai huyền thoại đó xuất hiện lần đầu tại Sumer, một quốc gia ở Mesopotamia cách đây hơn 7000 năm, cùng với sử thi Gilgamesh, một trong những tác phẩm văn chương cổ xưa nhất của nhân loại. Những truyện đó cũng thấy tại những nơi khác, và các tác giả của Cựu Ước đã viết lại theo quan điểm của một tôn giáo nhất thần. Người Sumer là một dân tộc kỳ bí mà nguồn gốc cho tới nay vẫn chưa được rõ. Họ chột xuất hiện tại Mesopotamia ở Trung Đông, giữa những năm 7000 và 9000 trước công nguyên, tạo ra những xã hội thành thị cổ xưa nhất trong lịch sử của nhân loại. Trong thời cực thịnh, dân số lên tới hơn hai trăm ngàn. Người ta cho là họ theo một tôn giáo đa thần, sùng bái tới 5000 thần linh.

Theo cái nhìn thông thường của lịch sử, tôn giáo đầu tiên của nhân loại là duy linh giáo của người man rợ. Người ta cho nhất thần giáo xuất hiện vào khoảng 3500 năm trước đây, khi vua Amenhotep IV của Ai Cập sùng bái một thần duy nhất là Anon. Trong cuốn sách bán chạy khắp thế giới, *History of God*, Karen Armstrong phản biện lại là dân Sumer đã tin có một thần linh duy nhất trên trời. Bởi thần linh đó cao siêu và xa cách, nên người ta không thể với tới, và do đó họ đi thờ những quyền năng của thiên nhiên. Tôi cho thuyết đó của Armstrong là đúng, nhưng đoán dân Sumer đã chuyển từ nhất thần tới đa thần giáo là do đặc tính của trí tuệ, điều sau này được Bapak cho thấy rõ. Vì văn hóa dân Sumer phát triển, nên trí óc họ bắt đầu hạn hẹp tập trung vào những gì của thế gian này, và đương nhiên là họ không mấy hứng thú chấp nhận có một thần linh kích thước tâm linh cao hơn.

Điều đáng chú ý về văn hóa dân Sumer là sử thi Gilgamesh của họ, một tác phẩm văn học đầu tiên của thế giới còn truyền lại cho tới nay, truyện nạn lụt trên khắp thế giới. Truyện đó của dân Sumer là sử liệu đầu tiên về một trận lụt lớn có thể hủy diệt nhân loại – một truyền thuyết thầy tại nhiều nơi xưa kia trên thế giới. Truyện trận lụt trong Thánh Kinh là một biến thể của truyện dân Sumer, nhìn từ góc cạnh của một tôn giáo gốc Do Thái và Thiên Chúa: loài người đã khiến Thượng Đế phẫn nộ vì tính kiêu ngạo và bất phục tùng của họ. Thượng Đế đã làm cho xảy ra một trận lụt lớn để hủy diệt nhân loại. Chỉ Noah và vợ con, họ tin ở Thượng Đế, là được thoát nạn cùng với những súc vật trong thuyền. Sau khi trôi giạt trên đại dương một thời gian, họ đến một vùng đất mới xây dựng lại cuộc sống mình. Truyện đó mỗi người có thể lý giải tùy theo ý mình, nhưng không chắc gì thiên hạ hiện nay coi nguyên nhân những tai ương thiên nhiên là sự phẫn nộ của Thượng Đế.

Tiếp theo dân Sumer, người Babylon cũng là một dân tộc có tài xây cất, như những Vườn Treo của Babylon. Họ xây cất những đô thị, dùng gạch thay vì đá, nhựa đường thay vì vữa. Theo điều được kể lại, mọi người nói một ngôn ngữ duy nhất, và có thể cùng nhau hợp tác. Nhưng do kiêu hãnh vì tài năng mình, họ bắt đầu xây cất một đền tháp cao tới trời. Cự Uớc thuật lại:

Họ bảo nhau: „Nào! Ta đúc gạch và lấy lửa mà nung!
„ Họ dùng gạch thay vì đá và lấy nhựa đen làm hồ.
Họ nói: „Nào! Ta hãy xây cho mình một thành phố
và một tháp có đỉnh cao chọc trời. Ta phải làm cho
danh ta lẫy lừng, để khỏi bị phân tán trên khắp mặt
đất. Thế là ĐỨC CHÚA phân tán họ từ chỗ đó ra khắp
nơi trên mặt đất, và họ phải ngưng xây thành phố
nữa. Bởi vậy, người ta đặt tên cho thành ấy là Ba-
ben, vì tại đó, ĐỨC CHÚA đã làm xáo trộn tiếng nói
của mọi người trên mặt đất, và cũng từ chỗ đó, ĐỨC
CHÚA đã phân tán họ ra khắp nơi trên mặt đất. „

Sự can thiệp của Thượng Đế làm cho người ta không thể hợp tác và liên lạc với nhau, khiến họ bị phân tán khắp thế giới. Cự Uớc nói đó là những hành vi của loài làm cho Thượng Đế tức giận.

Có những điều tương tự trong thời đại chúng ta. Hiện nay, chúng ta biết được rằng những hành vi của mình có thể gây ra những tai ương thiên nhiên. Hiện tượng trái đất nóng dần tạo ra những tình cảnh bất thường của khí hậu. Những tin gần đây cho thấy số côn trùng trên khắp thế giới suy giảm nhanh chóng do những sinh hoạt của con người: mỗi năm suy giảm 2.5% thì trong một năm tổng số côn trùng sẽ chỉ là 1% của những gì trước đó. Nhiều người nghĩ rằng điều đó không ảnh hưởng gì tới chúng ta. Nhưng thiếu côn trùng, chuỗi thức ăn cho hệ sinh thái sẽ sụp đổ, khiến tất cả các sinh vật bị tuyệt giống. Từ trước tới nay, chúng ta không mấy quan tâm tới chuyện đó. Trong nền văn minh hiện đại, không ai nghĩ tới những hậu quả cuối cùng.

Mỗi sinh vật tiến hóa để thích ứng với môi trường, nhưng cái quá trình đó đã tốn biết bao niên kỉ. Tổ tiên chúng ta nóng lòng muốn có một đời sống thoải mái và tiện nghi tới mức tối đa; sự mong muốn đó cuối cùng đã tạo nên văn minh hiện đại và xã hội thành thị. Chúng ta đã xây dựng một môi trường phá hủy những nơi hoang vu, bằng cách dựa vào những dụng cụ, máy móc và những vật liệu khác. Những sinh hoạt như vào rừng tắm gội vẫn còn lợi ích cho sức khỏe, nhưng hiện nay chúng ta đã tạo ra những chất liệu nhân tạo tốt cho sức khỏe như cây cỏ. Tức là người ta được lợi y như vậy, hay khá hơn, mà không phải vào rừng hay lên núi. Như vậy là đủ cho cuộc sống mình?

Đề Cương cho Nhân Loại của Bapak có nghĩa gì?

Tôi đã giải thích như thế nào tư tưởng và trí tuệ không thể trở nên độc lập và khách quan. Ngoài ra, tôi còn đưa vào những giảng giải của Bapak về cơ cấu của vũ trụ và địa vị con người trong đó. Tôi đã nhắc tới cấp độ sinh lực Rohani bên trong linh hồn, và cũng là mục tiêu của chúng ta sau khi chết. Trong lúc sống, những kiến thức và kinh nghiệm đạt được của những cảnh giới dưới trình độ mình là những gì chúng ta đem về cảnh giới Rohani. Với chúng ta, đó không chỉ là một cuộc đi dạo ngoài đồng cỏ, mà là một dự án của đáy lòng cho nguồn gốc và số phận mình.

Đời sống của linh hồn không chỉ như thế là hết, mà còn có những cảnh giới cao quý hơn cấp độ Rohani. Một trong những cái đó là sinh lực Rachmani, đại diện cho tình thương và lòng nhân từ của Thượng Đế. Trên đó là Roh Rabanni, đại diện cho sự sáng tạo của Thượng Đế. Bapak không nói bất cứ gì về những cảnh giới cao hơn con người, nên chúng ta không có cách nào hiểu được. Dù không biết được, ta có thể hình dung chiều cao và chiều sâu của vũ trụ và những gì trong những cảnh giới đó. Nếu là vậy thì linh hồn, với một cuộc sống hầu như vô tận, có thể du hành xuyên qua vũ trụ để tới nơi của Thượng Đế. Đó là vì linh hồn là một thành phần của vũ trụ. Tất nhiên, con người, với sự hạn hẹp của mình, không thể tới nơi vô hạn của Thượng Đế. Ta không thể đồng hóa với Thượng Đế – dù tới gần tới đâu đi nữa. Thượng Đế tại một nơi vô cùng xa xôi.

Có lẽ một ngày nào đó, Thượng Đế sẽ phá hủy vũ trụ để tạo ra một cái mới. Như vậy thì linh hồn mình bị vô hiệu hóa và sẽ chẳng còn gì tồn tại nữa. Nhận thức về vũ trụ của Bapak khiến chúng ta phải nghĩ như vậy. Vũ trụ quan đó là một tấm bản đồ của toàn thể vũ trụ, khiến chúng ta hiểu biết sâu rộng hơn, có một cái nhìn rộng lớn hơn về vị trí mình trong đó. Chẳng hạn, những kẻ xây cất Tháp Babel và những kẻ đóng thuyền Noah để tránh nạn đại hồng thủy, đã làm những gì y như con người hiện nay làm: họ tìm cách tạo ra một xã hội dựa vào tư tưởng và trí tuệ, thay vì vào thiên nhiên. Làm như vậy, họ thành thánh thần. Như vậy thì nền văn minh hiện đại là một ấn bản mới của truyện Tháp Babel. Sự khác biệt duy nhất là chúng ta vẫn chưa biết cuối cùng nó sẽ dẫn mình tới đâu.

Hậu quả của việc không dựa vào những tặng thưởng của thiên nhiên là bệnh đau lưng, cận thị, dị ứng và những vấn đề khác làm khổ tâm nhiều người hiện nay; đó chỉ là khởi đầu của những tệ hại sẽ tới. Điều khiến tôi quan tâm hơn là tâm trí mình sẽ bị ảnh hưởng. Có nguy cơ là trí óc chúng ta càng lúc càng trở thành vật chất, nên cho thấy rõ tư tưởng của con người liên hệ tới vật chất. Do đó mà chúng ta hiểu được bản thể các đồ vật để mặc sức dùng chúng. Tất cả chúng ta đều biết rằng tính tình một cặp vợ chồng sẽ dần dần giống nhau; đôi khi trông họ còn y như

nhau vì những liên hệ của đôi bên. Dần dà bản chất người này sẽ để lại dấu ấn nơi người kia. Điều đó không chỉ xảy ra giữa vợ chồng, mà còn giữa con người và các đồ vật. Có những dấu hiệu cho thấy chúng ta càng lúc càng trở thành vật chất: hình như càng lúc càng xảy ra những tội ác ghê tởm, như những án mạng bừa bãi, sự hành hạ trẻ em, và giá trị của con người thì được đo lường theo năng suất. Đương nhiên, mọi người chẳng bao lâu nữa sẽ nhận thấy hậu quả của những khuynh hướng đó.

Những căng thẳng thể chất hay tinh thần thường được chữa lành bởi khả năng mau phục hồi của cơ thể. Nếu ta không thể thích ứng, những căng thẳng đó cuối cùng biến thành một căn bệnh của thể chất, hay một tâm bệnh. Trong hầu hết mọi trường hợp, ta chỉ nhận thức được cho tới khi đã quá muộn. Trước đó, tôi đã nói tới việc thiên hạ có thể hành xử đăm thắm hơn cả thiên thần, hay tàn nhẫn hơn ác quỷ. Lịch sử hình như đã chứng tỏ nhân loại thường thù ghét hơn là thương yêu nhau, có thành kiến về nhau, thay vì thông cảm nhau.

Các nhà khoa học vẫn còn tranh luận về sự khác biệt giữa loài người và thú vật. Có một số nhà khoa học nghĩ rằng tuy phát triển không như thú vật nhưng loài người vẫn còn là một loài thú vật. Chỉ có một sự khác biệt không là bao giữa những gien (genes) của loài người hiện đại và loài tinh tinh (chimpanzee) và điều đó làm cho chúng ta thấy khó hiểu hơn sự khác biệt đó. Có lúc người ta nghĩ rằng điều làm cho chúng ta khác biệt là cái khả năng dùng dụng cụ, nhưng cái quan niệm đó đã mất thanh thế, khi càng lúc càng có những trường hợp những con thú dùng dụng cụ. Nếu xét nguồn gốc của loài người trong vũ trụ theo cách nhìn của Bapak, ta thấy rõ mình là những sinh linh khác biệt: không như thú vật, ta có luân lí, cuộc sống mình có một mục đích khác. Điều đó trùng hợp với những gì trong Phúc Âm của Giê-Su cho nhân loại. Giê-Su thuyết giảng chết không là hết, và mục tiêu của chúng ta là nước của Chúa trên thiên đàng, vì đó là định mệnh đích thực của mình.

Đi tìm một Đề cương Cao quý cho Tương lai

Tóm lại, tôi đề nghị chúng ta dùng vũ trụ quan của Bapak như một đề cương cao quý cho tương lai. Những điều dưới đây tổng kết và cho thêm chi tiết về những gì tôi đã đề cập.

1. Trước hết là điều được cảm thấy cái thế gian này là không thích hợp.

Như đã đề cập, nhiều người lơ mờ cảm thấy nơi chốn mình trên thế gian là không thích hợp. Đó là vì nó không là quê hương của linh hồn. Bapak nói tới lúc Adam được phái xuống trần gian từ thiên đàng: Adam đã khóc vì không muốn đến một thế giới vật chất. Nhưng khi sống trên thế gian với vợ con, Adam càng lúc càng cảm thấy gắn bó với nó. Tới lúc chết, Adam cầu khẩn Thượng Đế cho mình sống lâu hơn.

2. Tại sao con người lại bị lôi kéo theo hai chiều hướng, lên trên và xuống dưới?

Tuy mong muốn cải thiện khiến vượt qua được những giới hạn của mình, con người luôn bị cám dỗ bởi những ý nghĩ và cảm xúc của những sức mạnh dưới trình độ mình. Chúng ta hiểu được cái tình thế khó xử đó qua đề cương cao quý về cơ cấu vũ trụ của Bapak. Thế giới của con người nằm lơ lửng giữa cái cơ cấu đó, giữa một thế giới cao hơn và những cái thấp hơn.

3. Những giảng giải của Bapak về cái chết.

Ta có thể trả lời 3 câu hỏi của Gaugin trong bức tranh sơn dầu của ông nhờ sự hiểu biết của Bapak về vũ trụ và vị trí chúng ta trong đó. Khi chúng ta sinh ra, thế giới Rohani là nội dung của linh hồn mình. Vai trò của chúng ta là đem những kinh nghiệm và kiến thức đạt được trên thế gian trở về thế giới Rohani sau khi chết. Cái đích của chúng ta không là thế giới vật chất, mà là thế giới Rohani. Những bình luận khác của Bapak về sự chết tuy ngắn ngủi nhưng đầy ý nghĩa. Chẳng hạn, Bapak nhắc tới việc những gì có

trong cái thế gian này cũng có tại thế giới bên kia, chỗ khác nhau là có như thế nào. Nhờ đó chúng ta có thể đoán được quan hệ và những khác biệt giữa đôi bên.

4. Cái nhìn của Bapak về chủ nghĩa duy vật, nguyên nhân làm cho thiên hạ tin ở vật chất.

Chủ nghĩa duy vật là một trong những triết thuyết của Hy Lạp cổ đại. Trong thế kỉ 17, khoa học được coi là cái nhìn mới mẻ về thế giới, khác với triết học và tôn giáo. Điều đó phổ biến khắp thế giới dưới danh nghĩa của thuyết duy vật khoa học, với chủ nghĩa cộng sản và biện chứng pháp duy vật của Mác.

Tuy tôn giáo có thể cho chúng ta hiểu rõ những lĩnh vực khoa học không thể đạt tới, như mệnh kiếp và tình trạng của linh hồn sau cái chết, nhưng những người theo đạo không còn tin điều đó nữa, thậm chí đã nghi ngờ cả việc có một sự sống sau lúc chết. Hậu quả tôn giáo đã trở thành chỉ là cái một vỏ bề ngoài. Các nhà lãnh đạo tôn giáo đã không biết cách nào có thể ngăn chặn sự suy tàn của tôn giáo. Từ đó chúng ta sống trong tình trạng lo sợ và cô độc, và hình như không có cách nào thoát ra được. Hình như mình chỉ bất lực nhìn những gì đang xảy ra.

Trong quá khứ, nhân loại đã nhiều lần khắc phục được những tình cảnh khủng hoảng. Chúng ta chỉ có thể mong cho thiên hạ vượt qua được căn bệnh lo sợ và cô độc hiện nay, để tạo nên một tương lai tươi sáng. Để cho điều đó xảy ra, ta phải khiến cho mình không còn bị ám ảnh bởi dục vọng, để tiến tới một xã hội trong đó có sự hợp tác. Thế giới quan và đạo lí cho điều đó chưa được đồng thuận; người ta chỉ mới bắt đầu bàn tới.

Trí tuệ nhân tạo (AI) đã phát triển nhanh chóng, và còn vượt ra ngoài những khả năng của óc não. Nhưng AI không thể phát triển nhân tính, và có nguy cơ là thiên hạ càng lúc càng bị ám ảnh bởi vật chất, theo đà phát triển hiện nay của nền văn minh chúng ta. Nếu chúng ta dùng làm cơ sở những tri kiến về vũ trụ của Bapak, viễn cảnh của mình sẽ mở rộng, và ta sẽ nhận thấy rõ ý nghĩa và

mục đích của loài người trong vũ trụ. Chúng ta sẽ thấy cái thế giới vật chất chỉ là một nơi chốn tạm bợ cho nhân loại.

Có lẽ tôi đã làm cho đó là một nguồn gốc của những tai họa không thể đoán trước, nhưng một điều không thể chối cãi là luôn có Hy Vọng. Tôi mong cho điều đó là sự thật. Tối thiểu tôi mong cho sách mình có hiệu quả mở rộng nhãn quan các bạn.

Tôi chúc cho các bạn một cuộc sống tốt đẹp và nhiều thành quả nhất.

LỜI BẠT

Xã hội hiện đại và nguy cơ Covid-19

Sách này tôi đã viết xong trong một năm rưỡi, trước khi xảy ra nạn vi rút corona ở Trung Quốc. Do đó, tôi đã không đề cập tới nó, và nội dung sách cũng không đề ra cách đối phó.

Tôi viết sách với một mục tiêu đặc biệt trong đầu óc: sự tiến triển vô cùng nhanh chóng của tình trạng toàn cầu hóa, nhờ cách mạng IT (công nghệ tin học). Mục tiêu là phân tích những đặc điểm của cái xã hội mới lạ đó, nó có nghĩa gì cho những con người trong đó. Tôi muốn thăm dò xem tới mức nào chúng ta hiểu được chính mình, hay không biết gì được nhiều về trần gian mình.

Như đã đề cập, khoa học là cơ sở cho thế giới hiện nay. Khoa học hiện đại ra đời, lúc có một cuộc tranh cãi tại một phòng xử án thời Trung Cổ, giữa các nhà thần học Thiên Chúa giáo và các khoa học gia mà đại diện là Galileo Galilei. Đó là một cuộc tranh cãi về quyền bá chủ liên quan tới chính trị quốc tế. Hệ quả là là một sự phân hóa càng lúc càng lớn giữa đôi bên, trong đó các nhà thần học làm tưởng khoa là kẻ thù vì chối bỏ sự hiện hữu của Thượng Đế, còn kẻ thù của các nhà khoa học là tôn giáo vì chối cãi sự hiện hữu của những sự kiện khách quan.

Mặt khác, khoa học tiếp tục tiến bộ; những quan niệm lâu đời là chân lí được thay thế bởi những thuyết lí mới, và cái chu kì đó sẽ còn tiếp tục. Còn tôn giáo thì chi phối những gì của đời người không dưới sự thống trị tinh thần duy lí

của khoa học, như Thượng Đế, đức tin và linh hồn. Điều đó làm cho cuộc sống của thiên hạ có một ý nghĩa.

Do đó mà tôi tin rằng khoa học hiện đại có một thiếu sót chí tử: việc không thừa nhận bất cứ hiện tượng nào không thể quan sát và định lượng theo tinh thần khoa học. Cuộc sống chúng được tô màu bởi vô số tín ngưỡng và quan niệm, kể cả những gì về Thượng Đế và linh hồn, và tìm cách loại trừ những cái đó là làm cho những kinh nghiệm và tri kiến của mình trở nên vô cùng hạn hẹp.

Chúng ta bị tràn ngập bởi những kiến thức và phát minh của khoa học, nên không còn hiểu được cách thích nghi trong một toàn bộ, và theo hướng nào mình phải tiếp tục đi. Chúng ta là kẻ du hành chỉ trông thấy cây cối và đá sỏi, mà không là khu rừng, hay người đánh cá chỉ thấy cá và chim biển, mà không là đại dương mênh mông, nơi chốn mình trong lúc đó.

Sách này cũng đề cập tới hiện tượng kỳ quái của những hạt cơ bản và thuyết lượng tử. Một cách khiến kinh ngạc, những hạt đó hình như có 2 thuộc tính, trong đó chúng có thể vừa là hạt phân tử (vật rắn), vừa là làn sóng. Ngoài ra, những thuộc tính đó còn thay đổi từ tính này qua tính khác, tùy theo được quan sát hay không. Chẳng hạn, lúc mình tìm cách xem coi vị trí và vết-tơ chuyển động của một hạt cơ bản, nó có vẻ như biến dạng từ một làn sóng thành vật rắn.

Khoa học không thể hoàn toàn giải thích tại sao những thuộc tính đó lại thay đổi, khi có sự can thiệp của con người. Muhammed Subud, vị khai tổ của phong trào Subud, có nói một điều có thể giải thích việc đó. Ông đề cập tới việc con người có năng khiếu hiểu được những gì của thế gian này, nhưng không thể nhìn thấy những rung động tâm linh là làn sóng. Chẳng hạn, chúng ta cũng không bắt được ngay cả những làn sóng của ánh sáng và âm thanh, khi chúng vượt qua một tầm mức nào đó. Muhammed Subud còn nói rằng chúng ta sẽ không bao giờ hiểu được sự thật của thế giới tâm linh, và dù cố gắng tới đâu đi nữa, ta luôn sai lầm trong những kết luận của mình.

Khoa học là rường cột chính của nền văn minh hiện đại. Vô số những máy móc và thiết bị được chế tạo làm cho cuộc sống mình dễ thở hơn, và chúng ta càng lúc càng sống trong những khu vực của thành thị, khi nền văn minh đó nhanh chóng bành trướng khắp thế giới. Điều khiến tôi lo ngại là hệ quả không thể chối cãi của cái quá trình đó là nó dần dần biến cuộc sống con người thành những vật chất. Điều đó biểu lộ qua cái xu hướng coi những người khác như những đồ vật. Tôi sẽ thanh thản nếu chỉ có mình tôi nghĩ như vậy. Nếu quả thực đó là đặc tính của những xã hội hiện nay, thì nhân loại có thể mong chờ một tương lai nào khác?

Dù khắp thế giới đã phối hợp nỗ lực, sự truyền nhiễm của COVID-19 vẫn còn làm hại mọi người. Điều hiện nay khiến quan tâm nhất là làm cách nào nhanh chóng kết thúc bệnh dịch lớn đó, nhưng cho điều đó thì chưa có giải pháp dứt khoát. Nếu tình trạng đó còn tiếp diễn, thì có thể xảy ra những cuộc bạo loạn tại những vùng nghèo nàn, và điều đó có thể sẽ lan tràn tới những nơi khác.

Tôi không có ý định bàn luận về điều đó, vì chúng ta đã tới đoạn cuối của sách. Điều tôi mong nhất, dù những sai lầm của nó, sách mình sẽ khiến cho độc giả suy xét lại những gì mình coi là đương nhiên, để có lẽ nhận thấy những viễn cảnh mới lạ của cuộc sống mình.

In this book, Rozak Tatebe reviews the conflict between science and religion through history, recognizing that notions of God and the soul were devalued with the rise of scientific materialism in the 19th century. Tatebe offers an alternate vision of a future where the soul in each of us recognizes its rightful place as our life guide, and shows us how to be free from the domination of greed and self-interest. One way to this new path is through the spiritual transformation offered by the Latihan – a simple yet profound spiritual exercise accessible to all of humanity.

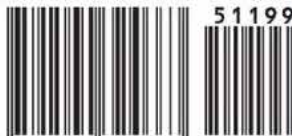
ROZAK TATEBE was born in 1928 in North Korea of a Japanese mother and father who were transferred there for work. He later lived in South Korea and returned to Japan at the end of World War II. After graduating from the Faculty of Arts and Literature at Tokyo University, he worked for a short time at a publishing company, and later at a major international patent office. During this time, he had a strange and unprecedented spiritual experience which sparked an interest in mysticism. In 1954, he discovered and joined Subud and helped to establish the world's first Subud Group outside Indonesia, in Japan. Tatebe went on to be active in Subud internationally as chairman of the International Subud Committee, a trustee of the Muhammad Subuh Foundation, and as an International Helper. Tatebe is married, and his wife, his daughter and her husband also joined Subud. He has published the story of his life in Subud in 2008 in Japanese and English [Subud - A Spiritual Journey] (Booksurge.com, 2008) and [Latihan - A Path to the Great Life] (Balboa Press, 2019)

Tatebe is currently a part-time director of Purnama International Co. Ltd.

BALBOA.PRESS
A DIVISION OF HAY HOUSE

AU \$15.95

ISBN 978-1-5043-2466-3



9 781504 324663